



# ĐẠI TÂN

Một Thương hiệu của Tập đoàn Nhôm **ALP** 

## CATALOGUE SẢN PHẨM





# MỤC LỤC

## VỀ ĐẠI TÂN & GIÁ TRỊ SẢN PHẨM

1. Xử lý bề mặt và màu sắc .....	07
2. Chức năng cửa .....	08
3. Tính năng của cửa .....	09
4. Chính sách bảo hành .....	13
5. Chính sách vận chuyển .....	15
6. Chính sách đổi trả .....	17

## HỆ SẢN PHẨM

<b>Hệ DT55</b> .....	21	<b>Hệ DT700</b> .....	47
1   Đặc Tính & Tính Năng .....	21	1   Đặc Tính & Tính Năng .....	47
2   Màu Sắc .....	22	2   Màu Sắc .....	48
3   Danh Mục Mặt Cắt .....	24	3   Danh Mục Mặt Cắt .....	50
<b>Hệ DT93</b> .....	31	<b>Hệ DT1000 &amp; DT1000T</b> .....	55
1   Đặc Tính & Tính Năng .....	31	1   Đặc Tính & Tính Năng .....	55
2   Màu Sắc .....	32	2   Màu Sắc .....	56
3   Danh Mục Mặt Cắt .....	33	3   Danh Mục Mặt Cắt .....	57
<b>Hệ Vát Cạnh 55</b> .....	35	<b>Đế Nẹp</b> .....	60
1   Đặc Tính & Tính Năng .....	35	<b>Tủ Trưng Bày Truyền Thống</b> .....	61
2   Màu Sắc .....	36	<b>Hệ Nhôm Trang Trí</b> .....	65
3   Danh Mục Mặt Cắt .....	37	<b>Hệ Chấn Song</b> .....	73
<b>Hệ DT65</b> .....	39	<b>Mái Hiên Di Động</b> .....	77
1   Đặc Tính & Tính Năng .....	39	<b>Khung Năng Lượng Mặt trời</b> .....	81
2   Màu Sắc .....	40	<b>Các Sản Phẩm Biến Dạng Cơ Bản</b> .....	84
3   Danh Mục Mặt Cắt .....	41		
<b>Hệ DT63</b> .....	43		
1   Đặc Tính & Tính Năng .....	43		
2   Màu Sắc .....	44		
3   Danh Mục Mặt Cắt .....	45		

# VỀ ĐẠI TÂN & GIÁ TRỊ SẢN PHẨM

Hơn 20 năm bề dày kinh nghiệm, Đại Tân - thương hiệu nhôm quốc dân bền vững của mọi nhà với sứ mệnh khởi tạo những ứng dụng bền vững và an cư cho cộng đồng. Mỗi sản phẩm của Đại Tân luôn đồng hành cùng những giá trị cốt lõi: Chất lượng vượt trội từ độ dày đến màu sơn bền chắc. Không ngừng đổi mới với kiểu dáng đa dạng. Sản phẩm phát triển bền vững cùng cộng đồng và dễ tiếp cận bởi tính ứng dụng cao & giá thành hợp lý.

Xây nhà là xây tổ ấm. Xây tổ ấm là khởi tạo một cuộc sống vững bền. Xây cuộc sống vững bền phải bắt đầu từ những khung nhôm bền vững. Mỗi sản phẩm ĐẠI TÂN là tổng hòa của những giá trị bền vững, như điểm tựa chuẩn mực của “khung bền” để xây nên một “tổ ấm” trọn vẹn, đúng nghĩa.



CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

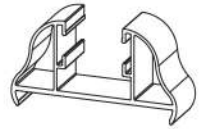






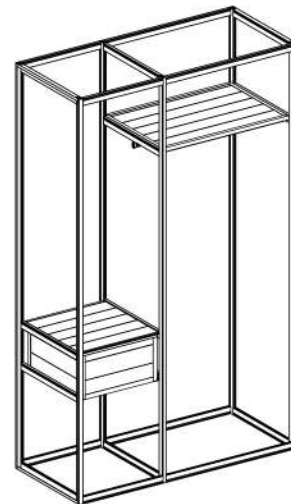
**KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG**

1. Cửa cuốn
2. Cửa chính
3. Cửa sổ
4. Vách ngăn nhôm kính
5. Lan can
6. Trần nhôm, vách lam nhôm
7. Lá lamri
8. Lá sách
9. Mái che
10. Mái giếng trời



ĐỂ NẾP

**HÀNG DỪNG LÂU BỀN**



TỦ KỆ

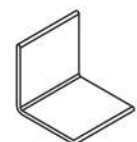
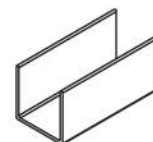
**BIÊN DẠNG TIÊU CHUẨN**



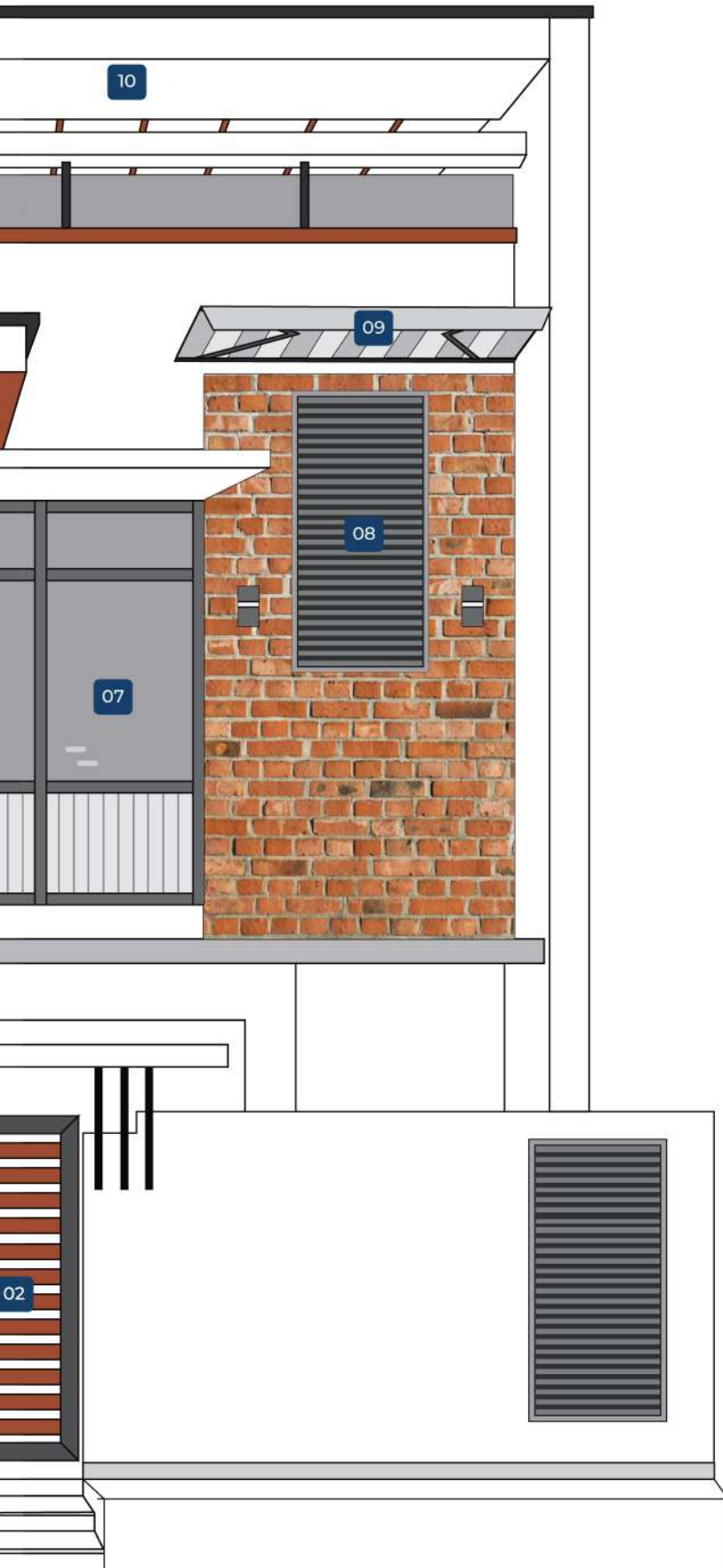
NHÔM ỐNG



NHÔM HỘP








THANH U - V

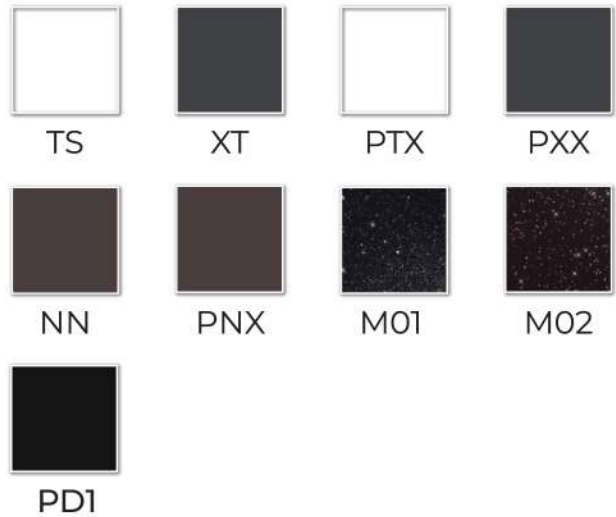


# XỬ LÝ BỀ MẶT & MÀU SẮC





**SƠN TĨNH ĐIỆN** là công nghệ sơn tạo màu cho thanh nhôm bằng hạt bột khô (tích điện +), bám lên bề mặt thanh nhôm (tích điện -) hình thành liên kết lực tĩnh điện bám dính bền chặt, bảo vệ bề mặt nhôm an toàn.

-  Hơn 10.000 Màu sắc
-  Đồng đều màu sắc
-  Độ bền màu tối đa (> 25) năm
-  Tiết kiệm (>30%) chi phí bảo trì
-  Thân thiện với môi trường

## MÀU SẮC



**VÂN GỖ** là hình thức sơn tĩnh điện kết hợp với giai đoạn chuyển nhiệt tạo nên các hiệu ứng vân gỗ khác nhau.




-  Vẻ đẹp chân thực từ vân gỗ
-  Bền màu tối đa đến > 15 năm
-  Giảm chi phí bảo trì so với gỗ tự nhiên
-  Đa dạng sắc độ, loại vân gỗ

## MÀU SẮC

(\*nhôm thông dụng và nhôm XF)



**XI MẠ** là quá trình sử dụng điện cực để tạo một lớp phủ cứng và tạo màu cho thanh nhôm, làm tăng độ cứng, bền chắc.

-  Màu sắc đa dạng
-  Đáp ứng các màu sắc cơ bản
-  Bảo vệ tốt ngay cả môi trường biển

## MÀU SẮC



# CHỨC NĂNG CỬA

Với sự lựa chọn đúng đắn, cửa đóng vai trò rất lớn trong việc tạo ra sự thoải mái, an toàn và tiết kiệm năng lượng trong nhà, đồng thời giữ “nhiệm vụ” bảo vệ và mang đến sự an toàn cho bạn, duy trì sự riêng tư, phân chia không gian và ngăn chặn các tác nhân bên ngoài như tiếng ồn, mưa gió...



## MỞ QUAY

Cửa mở quay được mở ra từ bên hông, cho phép lối đi lại dễ dàng và thông gió ra ngoài



## MỞ HẤT

Cửa mở hất được mở hất ra từ phía dưới, cho phép thông gió có kiểm soát và tiết kiệm không gian nội thất.



## CỐ ĐỊNH

Vách cố định thường chia các không gian, mang lại sự riêng tư và yếu tố trang trí hoặc lấy sáng tối đa cho không gian.



## MỞ QUAY VÀ LẬT

Cửa quay và lật đem lại các tùy chọn thông gió linh hoạt với cả chức năng lật trên cùng và quay bên hông đảm bảo an toàn.



## CỬA LÙA

Cửa lùa được mở theo cách di chuyển theo chiều ngang hoặc đứng trên các thanh ray, tối ưu hóa việc sử dụng không gian và mang lại vẻ hiện đại.



## CỬA LÙA XẾP

Cửa lùa xếp được mở theo cách đưa toàn bộ cánh cửa về 1 hoặc 2 bên để tạo ra khoảng rộng, kết nối 2 không gian lại với nhau: ví dụ trong nhà và ngoài trời.

# TÍNH NĂNG CỦA CỬA

Lựa chọn các tính năng phù hợp là một trong những yếu tố nâng cao giá trị tài sản của không gian sử dụng và mang lại lợi thế lâu dài về mặt sức khỏe, tài chính cho người đầu tư, sử dụng không gian đó.

## ĐỘ KÍN KHÍ

(Tham khảo TCVN 7452)

Cửa kín khí đem lại khả năng ngăn chặn hoặc giảm thiểu sự dịch chuyển của không khí trong và ngoài thông qua khe hở nhằm duy trì nhiệt độ trong nhà cũng như ngăn cản bụi bẩn từ bên ngoài bảo vệ không gian sống sạch sẽ. Cửa kín khí giúp giữ cho không khí trong nhà luôn được sạch sẽ, thoải mái, đồng thời tiết kiệm chi phí sưởi ấm và làm mát.

*Khả năng này được đánh giá thông qua độ lọt khí (được đo bằng máy) khi cửa chịu một mức áp suất thổi nhất định.*

MỨC ÁP SUẤT THỬ NGHIỆM	ĐỘ LỌT KHÍ TIÊU CHUẨN
100-150 Pa	16.6 l/s/cm <sup>2</sup>

## ĐỘ KÍN NƯỚC

(Tham khảo TCVN 7452)

Cửa kín nước đem lại khả năng ngăn chặn nước từ bên ngoài xâm nhập vào không gian bên trong. Tại Việt Nam, khí hậu nóng ẩm, nhiều mưa bão nên việc lựa chọn cửa có mức độ kín nước tốt là rất quan trọng. Cửa có mức độ kín nước tốt sẽ giúp bảo vệ ngôi nhà khỏi hư hỏng do nước, đồng thời tiết kiệm chi phí sửa chữa.

Cửa có mức độ kín nước càng cao thì khả năng ngăn nước càng tốt.

*Khả năng này thể hiện qua kết quả nước có lọt, bắn vào không gian nhà hay không khi cửa chịu phun nước và áp suất thổi nhất định trong một khoảng thời gian cho phép*

MỨC PHUN NƯỚC THỬ NGHIỆM V= 2 LÍT NƯỚC	
ÁP SUẤT KIỂM TRA	THỜI GIAN KIỂM TRA
0 Pa	15 phút
50 Pa	20 phút
100 Pa	25 phút
150 Pa	30 phút

## KHẢ NĂNG CHỊU TẢI GIÓ

(Tham khảo TCVN 2737)

Cửa chịu tải gió là khả năng chịu được áp lực của gió. Tại Việt Nam, khí hậu có gió mạnh và mưa bão nên việc lựa chọn cửa có mức độ chịu tải gió tốt là rất quan trọng. Cửa có mức độ chịu tải gió tốt sẽ giúp bảo vệ ngôi nhà khỏi bị hư hỏng, đồng thời đảm bảo an toàn cho người sử dụng.

Khả năng này thể hiện qua mức biến dạng của các thanh trên cửa khi chịu một mức áp suất gió nhất định.

ÁP SUẤT KIỂM TRA	BIẾN DẠNG CHO PHÉP
500 Pa	L/200

## VẬN HÀNH KHUÔN CÁNH

(Tham khảo TCVN 9366)

Cửa có khả năng chống trộm là loại cửa được thiết kế và chế tạo với các tính năng nhằm ngăn chặn hoặc cản trở việc đột nhập trái phép vào ngôi nhà. Việc lựa chọn cửa có khả năng chống trộm tốt sẽ giúp bảo vệ ngôi nhà khỏi bị đột nhập, đảm bảo an toàn cho tài sản và cuộc sống của các thành viên.

Khả năng này sẽ được đánh giá thông qua việc sử dụng các công cụ gây hỏng hóc cửa, khóa trong một thời gian nhất định

TÊN LỰC TÁC DỤNG	KIỂU LOẠI CỬA SỔ		
	Kiểu mở theo bản lề	Kiểu mở theo hướng trượt ngang	Kiểu mở theo hướng trượt dọc
Lực khởi động đóng, mở	80	80	120
Lực duy trì khuôn cánh di chuyển	65	65	100

## ĐÓNG MỞ CỬA

(Tham khảo TCVN 9366)

Kiểm tra việc vận hành cửa trong điều kiện cửa đã hoàn thành để đánh giá cũng như đảm bảo chất lượng của cửa.

Khả năng vận hành thể hiện thông qua thực hiện kiểm tra đóng, mở cửa không có hư hỏng, cửa hoạt động ổn định.

LỰC ĐÓNG, MỞ THỬ NGHIỆM	MỨC
500 N	Không hư hại Chuyển vị góc đỉnh về phía cho phép

**ĐỘ BỀN**

(Tham khảo  
TCVN 12217)

Độ bền của cửa được thể hiện qua số chu kỳ đóng mở, tức là số lần cửa có thể mở và đóng mà không bị hỏng hóc hoặc suy yếu đáng kể. Bằng cách lựa chọn cửa có kết cấu chắc chắn, sử dụng phụ kiện có độ bền cao, lắp đặt đúng kỹ thuật, giúp cửa bền bỉ và sử dụng được lâu dài.

Những mức độ thể hiện độ bền thông qua số chu kỳ đóng mở

LỰC MỞ CỬA F=100 N		
MỨC ĐỘ	SỐ CHU KỲ ĐO ĐƯỢC	LOẠI CỬA ÁP DỤNG
Level 1	5,000	Cửa sổ
Level 2	10,000	Cửa sổ
Level 3	20,000	Cửa sổ
Level 4	50,000	Cửa đi
Level 5	100,000	Cửa đi
Level 6	200,000	Cửa đi

**KHẢ NĂNG CÁCH ÂM**

(Tham khảo  
TCVN 4109)

Cửa cách âm là khả năng giảm thiểu và ngăn chặn tiếng ồn, âm thanh từ bên ngoài truyền vào bên trong không gian nhà. Cách âm của cửa đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra không gian yên tĩnh và thoải mái bên trong ngôi nhà hoặc tòa nhà.

Con người sẽ cảm thấy dễ chịu nếu nghe được âm thanh có cường độ < 70 dB. Ví dụ, nếu tiếng ồn bên ngoài có cường độ 60 dB và cửa cách âm giảm 30 dB, thì tiếng ồn truyền vào trong nhà sẽ chỉ còn 30 dB.

Bảng cường độ âm thanh hàng ngày

	TƯƠNG ỨNG VỚI MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH	KHẢ NĂNG TIẾP NHẬN CỦA CON NGƯỜI
0 dB	Hoàn toàn không nghe thấy âm thanh	Chịu được mà không cần thiết bị bảo vệ.
10 dB	Hơi thở của chúng ta	Chịu được mà không cần thiết bị bảo vệ.
20 dB	Tiếng lá rơi	Chịu được mà không cần thiết bị bảo vệ.
30 dB	Tiếng lá xào xạc	Chịu được mà không cần thiết bị bảo vệ.
40 dB	Tiếng thì thầm	Chịu được mà không cần thiết bị bảo vệ.
50 dB	Lượng mưa vừa phải	Chịu được mà không cần thiết bị bảo vệ.
60 dB	Cuộc nói chuyện bình thường	Chịu được mà không cần thiết bị bảo vệ.
70 dB	Chợ ồn ào, tiếng ồn ngoài đường	Chịu được mà không cần thiết bị bảo vệ.
80 dB	Hội trường ồn ào, nhà in	Rời xa và tìm cách hạn chế tiếng ồn.
90 dB	Nhà máy sản xuất	Mỗi ngày chịu tối đa được 1 giờ
110 dB	Tiếng nhạc Rock	Chịu tối đa được 15 phút khi mang bảo hộ
130 dB	Phi cơ cất cánh, còi xe cứu hỏa	Chịu tối đa được 15 phút khi mang bảo hộ



# CHÍNH SÁCH BẢO HÀNH

## THỜI GIAN BẢO HÀNH MÀU SƠN

Thương hiệu	Sản phẩm áp dụng	Thời gian bảo hành màu sơn	
		Miễn phí <i>(Đã bao gồm trong giá bán)</i>	Báo giá theo yêu cầu
ĐẠI TÂN	DT 55 Màu M01, M02, G01, G02	5 năm	Từ 6 – 15 năm
	Tất cả sản phẩm còn lại <i>(Bao gồm nhóm Nhôm Trang Trí)</i>	2 năm	Từ 3 – 10 năm

## TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC BẢO HÀNH

- Sản phẩm còn thời hạn bảo hành.
- Bên được bảo hành không vi phạm các điều trong mục 8 thuộc “Chính sách bảo hành hiệu năng sản phẩm” của An Lập Phát.
- Bên được bảo hành tuân thủ thời gian vệ sinh và bảo trì theo mục 9 thuộc “Chính sách bảo hành hiệu năng sản phẩm” của An Lập Phát.

## CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

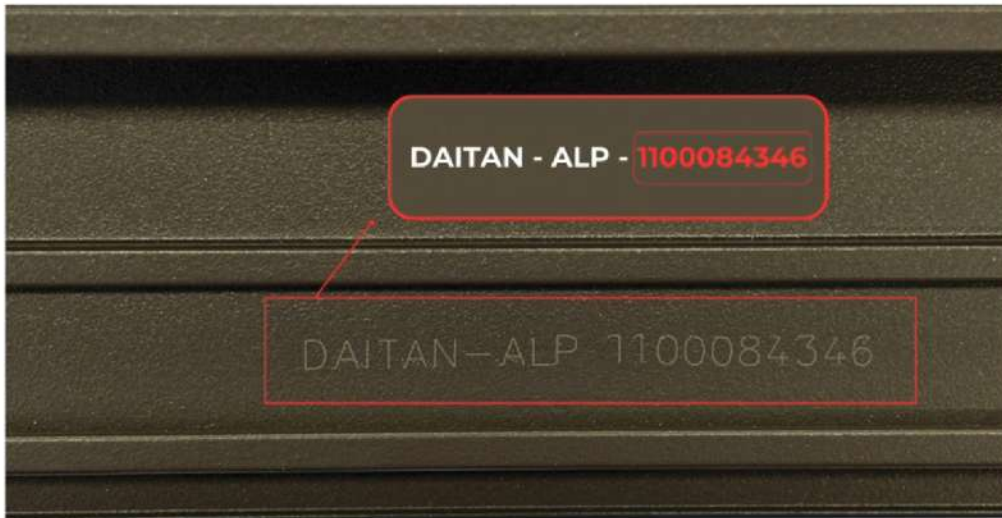
- Cung cấp hồ sơ đầy đủ: Phiếu thanh toán, phiếu bảo hành.
- Khiếu nại về chất lượng sản phẩm phải được gửi đến ALP bằng văn bản/ email trong vòng 30 ngày kể từ khi phát hiện sai hỏng.



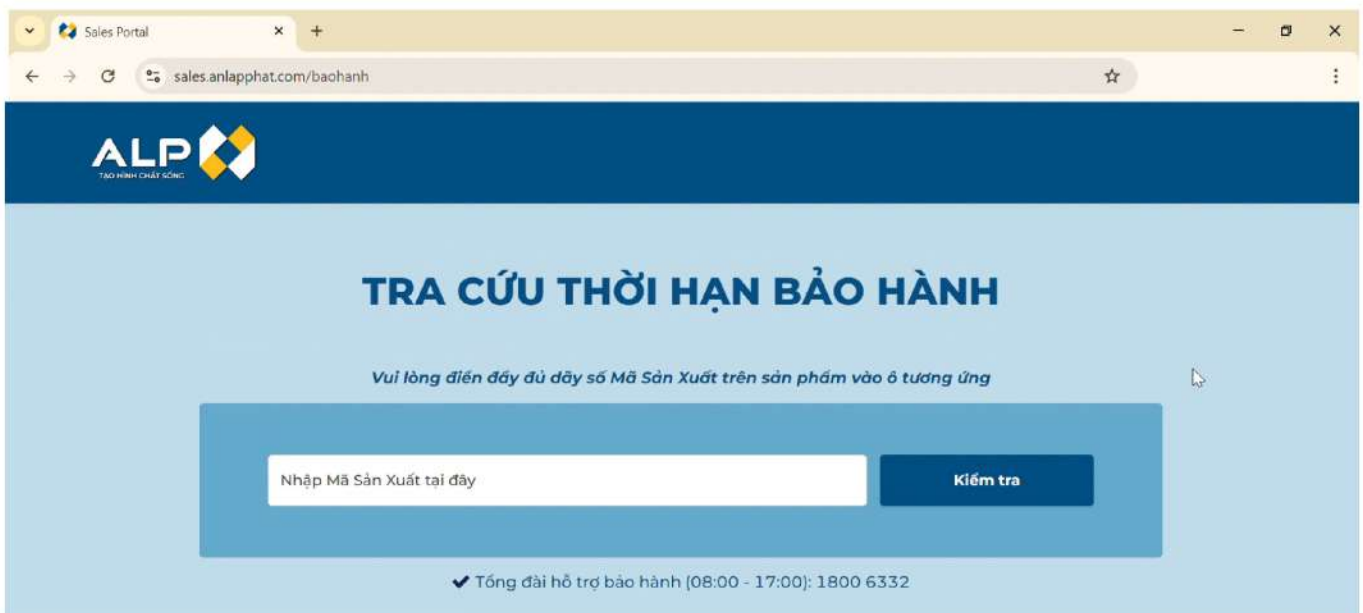
Thông tin  
“Chính sách bảo hành hiệu năng sản phẩm”

# HƯỚNG DẪN TRA CỨU

**Bước 1:** Tìm “Mã sản xuất” trên thanh nhôm An Lập Phát



**Bước 2:** Truy cập vào website <https://sales.anlapphat.com/baohanh>



**Bước 3:** Nhập “Mã sản xuất” vào ô tìm kiếm và chọn “Kiểm tra”



“Kết quả” sẽ xuất hiện bên dưới cùng với thông tin:

**Mã sản xuất:**

**Mã sản phẩm:**

**Mặt cắt:**

**Thương hiệu:**

**Tên sản phẩm:**

**Ngày sản xuất:**

**Thời hạn bảo hành\*:**

\*Thời hạn bảo hành tính từ ngày sản xuất

# CHÍNH SÁCH VẬN CHUYỂN

## CHÍNH SÁCH GIAO HÀNG MIỄN PHÍ

NHÓM	KHOẢNG CÁCH	SỐ LƯỢNG (BÓ)	TRỌNG LƯỢNG (KG)	THỜI GIAN GIAO HÀNG (NGÀY)
1	Dưới 50 Km	≥ 10 Bó	≥ 150 Kg	N+1
		≥ 50 Bó	≥ 750 Kg	N+0.5
2	Từ 50 - 150 Km	≥ 30 Bó	≥ 500 Kg	N+1
		≥ 70 Bó	≥ 1000 Kg	N+0.5
3	Từ 150 - 300 Km	≥ 100 Bó	≥ 1500 Kg	N+2
		≥ 200 Bó	≥ 3500 Kg	N+1.5
4	Từ 300 - 500 Km	≥ 100 Bó	≥ 1500 Kg	N+3
		≥ 200 Bó	≥ 3500 Kg	N+2

### GHI CHÚ

- ✓ Ngày N: Ngày công ty xác nhận đơn hàng hợp lệ và đưa vào xử lý giao hàng.
- ✓ Khoảng cách giao hàng: Được xác định từ kho Hồ Chí Minh hoặc kho Đà Nẵng, ưu tiên kho gần nhất với địa điểm giao nhận.



## CHÍNH SÁCH GIAO HÀNG CÓ PHÁT SINH PHÍ

**GIAO CHÀNH** khi đơn hàng không đủ tải trọng theo tiêu chuẩn giao hàng miễn phí hoặc theo yêu cầu của Khách Hàng. Trong đó:



ALP giao hàng đến địa điểm Bãi, Chành do Khách Hàng chỉ định nhưng không vượt quá 30km tính từ kho ALP.



Quý Khách Hàng chi trả chi phí vận chuyển từ Bãi, Chành về đến kho của Quý Khách Hàng.

**NHẬN HÀNG HÓA TRỰC TIẾP** tại kho của ALP bằng phương tiện vận chuyển của Quý Khách Hàng, và thực hiện theo quy định sau:



Trước một ngày nhận hàng, Quý Khách Hàng gửi thông tin Đơn hàng và thời gian nhận hàng đến bộ phận Chăm sóc khách hàng ALP thông qua Hotline 18006332.



Trước một giờ khi nhận hàng, Quý Khách Hàng gửi thông tin loại phương tiện vận tải, thông tin tài xế, biển số xe,... đến bộ phận Chăm sóc khách hàng ALP thông qua Hotline 18006332.

## PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN

### NGHĨA VỤ CỦA BÊN NHẬN HÀNG (QUÝ KHÁCH HÀNG)

- ✓ Chuẩn bị sân bãi, nhân sự để bốc dỡ, nhận hàng hóa.
- ✓ Thông báo cho ALP các yêu cầu về phương tiện vận tải khi đến địa điểm nhận hàng.

### NGHĨA VỤ CỦA BÊN GIAO HÀNG (ALP)

• Trường hợp phương tiện vận tải của ALP không vào được khu vực dỡ hàng tại địa điểm nhận hàng, ALP sẽ:

- ✓ Giao hàng ở nơi gần địa điểm nhận hàng nhất.
- ✓ Đưa Hàng Hóa về lại kho của ALP mà không bị xem là vi phạm nghĩa vụ giao hàng.
- ✓ Giao hàng từ 08:00 đến 17:00 các ngày từ thứ Hai đến thứ Bảy hàng tuần, trừ ngày nghỉ/ngày lễ theo quy định của pháp luật.

# CHÍNH SÁCH ĐỔI TRẢ

## CHÍNH SÁCH ĐỔI TRẢ SẢN PHẨM/ HÀNG HÓA

Đối tượng/ Phạm vi	Nguyên nhân	Đơn vị đổi	Giá trị thu hồi hàng đổi		Đơn vị trả	Giá trị thu hồi hàng trả		
			≤ 1 năm	≤ 2 năm		≤ 3 tháng	≤ 1 năm	≤ 2 năm
1. Lỗi do NSX/ALP	• ALP giao không đúng theo yêu cầu đặt hàng.	Nguyên bó	100%	70%	Nguyên bó	100%	-	-
	• Trầy, xước, móp do ALP. • Công năng. • Quy cách. • Thẩm mỹ.	Nguyên bó/ lẻ cây	100%	70%	Nguyên bó/ lẻ cây	100%	80%	60%
2. Lỗi không xác định ALP/ Quý Khách Hàng	• Trầy xước, móp...	Nguyên bó	100%	70%	Nguyên bó/ lẻ cây	80%	70%	60%
3. Yêu cầu từ Quý Khách Hàng	• Yêu cầu từ Quý Khách Hàng	Nguyên bó và <b>đủ điều kiện Kinh Doanh</b>	100%	70%	Nguyên bó	70%	60%	50%

### GHI CHÚ:



#### THỜI GIAN ÁP DỤNG

Tính từ ngày xuất bán đến thời điểm ALP tiếp nhận thông tin khiếu nại từ Quý Khách Hàng.



#### ĐỐI VỚI HÀNG ĐỔI

Mã sản phẩm đổi hoặc thay thế theo thỏa thuận giữa Quý Khách Hàng và ALP.



#### HÀNG HÓA ÁP DỤNG

Sản phẩm nhôm thanh được xác định là của ALP, có mã khắc laser và tem nhãn truy xuất nguồn gốc. Không áp dụng cho hàng đặt riêng theo yêu cầu của Quý Khách Hàng.



#### CHI PHÍ VẬN CHUYỂN

ALP sẽ hỗ trợ chi phí vận chuyển nếu như có chuyển xe giao hàng. Nếu không có chuyển, Quý Khách Hàng sẽ chịu chi phí vận chuyển đối với hàng hóa đổi trả cho Mục 3.

# CHÍNH SÁCH ĐỔI TRẢ

## QUY ĐỊNH ĐIỀU KIỆN ĐỔI TRẢ HÀNG HÓA

### QUY ĐỊNH CHUNG

✓ Được đổi sản phẩm cùng loại nếu sản phẩm gặp sự cố không thể khắc phục được do lỗi kỹ thuật/ chức năng của nhà máy sản xuất.

✓ Trường hợp không còn sản phẩm cùng loại, ALP sẽ thay thế sản phẩm khác có giá trị tương đương với sản phẩm lỗi.

### ĐIỀU KIỆN ĐỔI TRẢ HÀNG HÓA

✓ Sản phẩm không vi phạm điều kiện bảo quản lưu trữ của sản phẩm, chưa sử dụng sản phẩm tại Đại lý/ Khách hàng.

✓ Cung cấp tem sản phẩm, mã số laser truy xuất nguồn gốc sản xuất sản phẩm.

✓ Sản phẩm không có dấu hiệu đã qua tẩy rửa/ qua sử dụng trước đó.



Nhằm thành định hình

# HỆ SẢN PHẨM





# HỆ DT55



## ĐẶC TÍNH NỔI BẬT

- DT55 được thiết kế với sự tinh tế, mang đến vẻ đẹp hiện đại cho không gian sống.
- Dễ dàng tùy chỉnh kích thước và phương án thiết kế.
- Đa dạng màu sắc phù hợp với sở thích và phong cách kiến trúc.
- Khả năng tối ưu hóa ánh sáng tự nhiên: Khung nhôm chắc chắn giúp tối ưu hóa lượng ánh sáng tự nhiên, mang đến không gian sống thông thoáng, tràn ngập ánh sáng.
- Áp dụng: Cửa đi, cửa sổ mở quay, cửa sổ lùa và vách ngăn.

## TÍNH NĂNG THAM KHẢO

- Kín khí:  $<12.5\text{m}^3/\text{h.m}^2$ , áp suất  $P=\pm 100$  Pa
- Kín nước:  $P=200$  Pa trong vòng 35 phút
- Áp lực gió: Áp suất  $P=\pm 1000$  Pa
- Cách âm: 25 dB
- Khả năng chống trộm: Max level 2

(\*) Thông số mang tính chất tham khảo từ lý thuyết.

### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Kích thước cánh tối đa	W 1.5 m x H 2.6 m
Khối lượng cánh tối đa	150 kg/ cánh cửa đi
	80 kg/ cánh cửa sổ
Chiều sâu khung cánh	55 mm
Độ dày Profile	1.2 – 1.4 – 2.0 mm
Rãnh lắp kính	15-27mm
Ghép góc	45 độ
Chiều rộng nhìn thấy	89-121mm

MÀU SẮC



Xám (PXX)



Nâu (PNX)



Xám Ánh Kim (M01)



Gỗ 2D  
Gỗ Sồi Vàng (30)



Gỗ 3D  
Linh Sam Xám (G01)

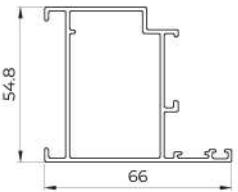
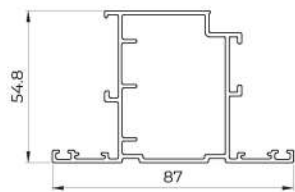
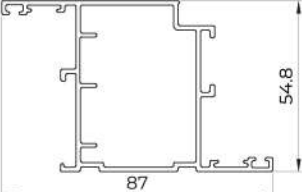
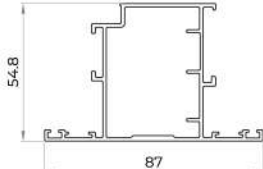
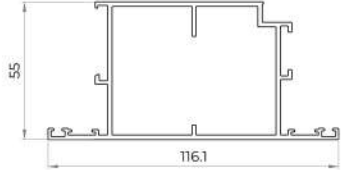
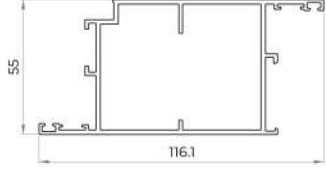
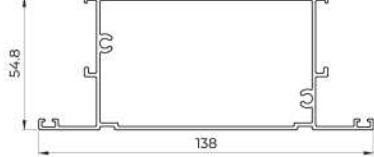
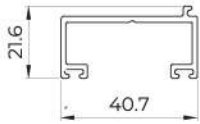
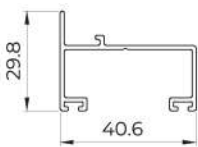
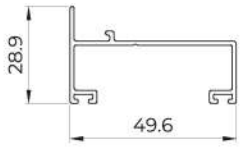


Gỗ 3D  
Linh Sam Nâu (G02)



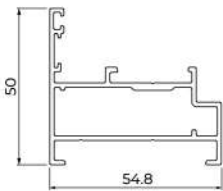
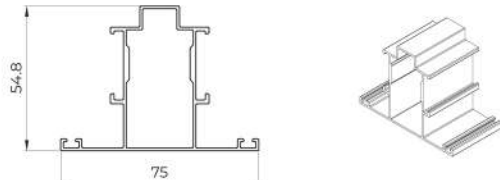
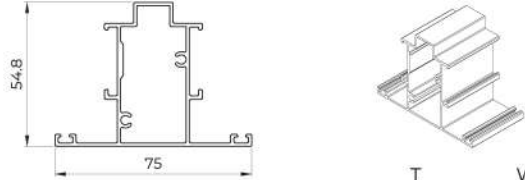
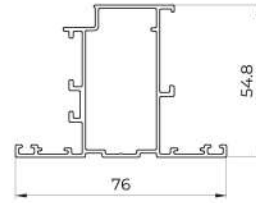
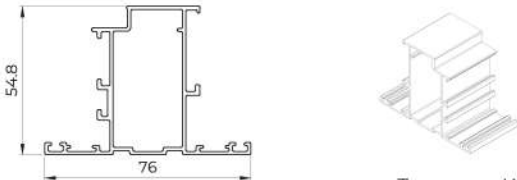
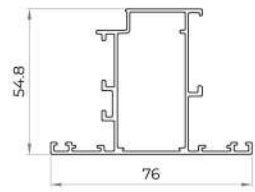
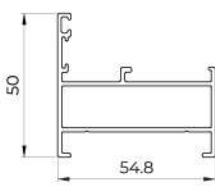
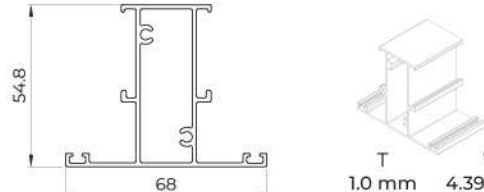


# CỬA ĐI MỞ QUAY

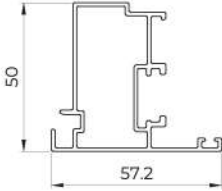

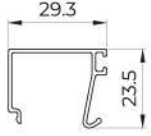

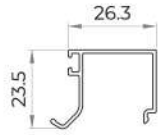
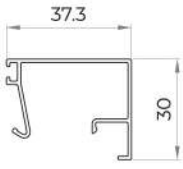
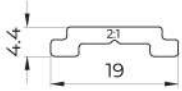
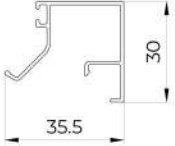
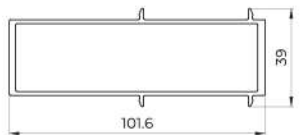

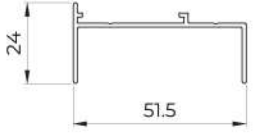
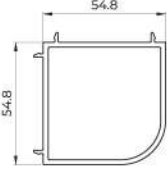
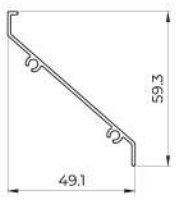

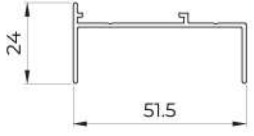

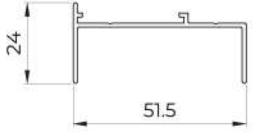

<p><b>3328</b></p> <p><b>KHUNG BAO CỬA ĐI</b></p>  <table border="1"> <thead> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1.0 mm</td> <td>4.170 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.2 mm</td> <td>4.890 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.4 mm</td> <td>5.562 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.8 mm</td> <td>6.736 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>2.0 mm</td> <td>7.350 kg/6m</td> </tr> </tbody> </table> <p>Quy cách bó: 2 cây/bó</p>	T	W	1.0 mm	4.170 kg/6m	1.2 mm	4.890 kg/6m	1.4 mm	5.562 kg/6m	1.8 mm	6.736 kg/6m	2.0 mm	7.350 kg/6m	<p><b>3303</b></p> <p><b>CÁNH CỬA ĐI MỞ NGOÀI</b></p>  <table border="1"> <thead> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1.0 mm</td> <td>5.433 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.2 mm</td> <td>6.210 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.4 mm</td> <td>6.672 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.8 mm</td> <td>7.887 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>2.0 mm</td> <td>8.526 kg/6m</td> </tr> </tbody> </table> <p>Quy cách bó: 2 cây/bó</p>	T	W	1.0 mm	5.433 kg/6m	1.2 mm	6.210 kg/6m	1.4 mm	6.672 kg/6m	1.8 mm	7.887 kg/6m	2.0 mm	8.526 kg/6m
T	W																								
1.0 mm	4.170 kg/6m																								
1.2 mm	4.890 kg/6m																								
1.4 mm	5.562 kg/6m																								
1.8 mm	6.736 kg/6m																								
2.0 mm	7.350 kg/6m																								
T	W																								
1.0 mm	5.433 kg/6m																								
1.2 mm	6.210 kg/6m																								
1.4 mm	6.672 kg/6m																								
1.8 mm	7.887 kg/6m																								
2.0 mm	8.526 kg/6m																								
<p><b>3332</b></p> <p><b>CÁNH CỬA ĐI MỞ TRONG</b></p>  <table border="1"> <thead> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1.0 mm</td> <td>5.433 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.2 mm</td> <td>6.228 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.4 mm</td> <td>6.672 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.8 mm</td> <td>7.887 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>2.0 mm</td> <td>8.688 kg/6m</td> </tr> </tbody> </table> <p>Quy cách bó: 2 cây/bó</p>	T	W	1.0 mm	5.433 kg/6m	1.2 mm	6.228 kg/6m	1.4 mm	6.672 kg/6m	1.8 mm	7.887 kg/6m	2.0 mm	8.688 kg/6m	<p><b>3303B</b></p> <p><b>CÁNH CỬA ĐI MỞ NGOÀI KHÔNG GÂN</b></p>  <table border="1"> <thead> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1.4 mm</td> <td>7.063 kg/6m</td> </tr> </tbody> </table> <p>Quy cách bó: 2 cây/bó</p>	T	W	1.4 mm	7.063 kg/6m								
T	W																								
1.0 mm	5.433 kg/6m																								
1.2 mm	6.228 kg/6m																								
1.4 mm	6.672 kg/6m																								
1.8 mm	7.887 kg/6m																								
2.0 mm	8.688 kg/6m																								
T	W																								
1.4 mm	7.063 kg/6m																								
<p><b>3303A</b></p> <p><b>CÁNH CỬA ĐI MỞ NGOÀI KHÔNG GÂN BẢN 116</b></p>  <table border="1"> <thead> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1.8 mm</td> <td>9.864 kg/6m</td> </tr> </tbody> </table> <p>Quy cách bó: 2 cây/bó</p>	T	W	1.8 mm	9.864 kg/6m	<p><b>3332A</b></p> <p><b>CÁNH CỬA ĐI MỞ TRONG KHÔNG GÂN BẢN 116</b></p>  <table border="1"> <thead> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1.8 mm</td> <td>9.772 kg/6m</td> </tr> </tbody> </table> <p>Quy cách bó: 2 cây/bó</p>	T	W	1.8 mm	9.772 kg/6m																
T	W																								
1.8 mm	9.864 kg/6m																								
T	W																								
1.8 mm	9.772 kg/6m																								
<p><b>3304</b></p> <p><b>CÁNH CỬA ĐI NGANG DƯỚI</b></p>  <table border="1"> <thead> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1.4 mm</td> <td>9.132 kg/6m</td> </tr> </tbody> </table> <p>Quy cách bó: 2 cây/bó</p>	T	W	1.4 mm	9.132 kg/6m	<p><b>3329</b></p> <p><b>ỐP CHÂN CÁNH CỬA ĐI 40.7 X 21.6</b></p>  <table border="1"> <thead> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1.3 mm</td> <td>2.382 kg/6m</td> </tr> </tbody> </table> <p>Quy cách bó: 10 cây/bó</p>	T	W	1.3 mm	2.382 kg/6m																
T	W																								
1.4 mm	9.132 kg/6m																								
T	W																								
1.3 mm	2.382 kg/6m																								
<p><b>2290N</b></p> <p><b>ỐP CHÂN CÁNH CỬA ĐI 40.6 X 29.8</b></p>  <table border="1"> <thead> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1.2 mm</td> <td>2.178 kg/6m</td> </tr> </tbody> </table> <p>Quy cách bó: 10 cây/bó</p>	T	W	1.2 mm	2.178 kg/6m	<p><b>22900</b></p> <p><b>ỐP CHÂN CÁNH CỬA ĐI 49.6 X 28.9</b></p>  <table border="1"> <thead> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1.2 mm</td> <td>2.238 kg/6m</td> </tr> </tbody> </table> <p>Quy cách bó: 10 cây/bó</p>	T	W	1.2 mm	2.238 kg/6m																
T	W																								
1.2 mm	2.178 kg/6m																								
T	W																								
1.2 mm	2.238 kg/6m																								

Danh mục mặt cắt

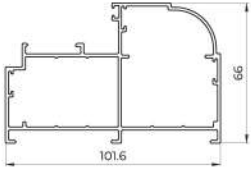
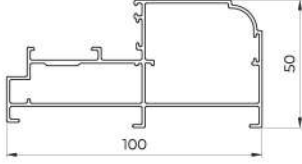
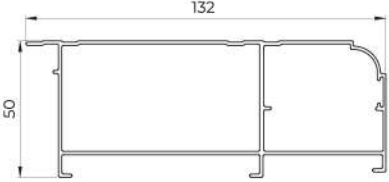
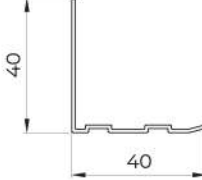
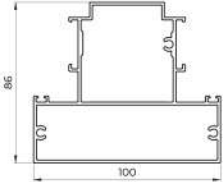
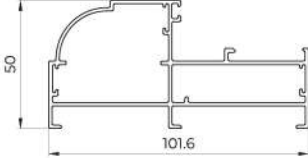
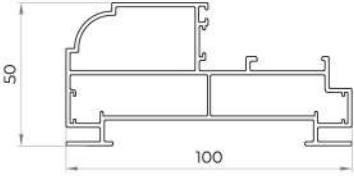
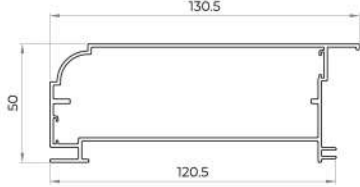
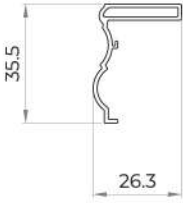
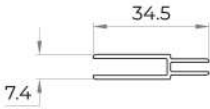
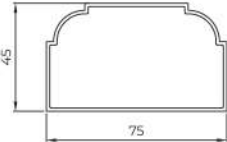
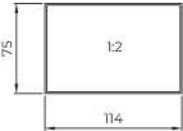
# CỬA SỔ MỞ QUAY

<p><b>3318</b></p> <p><b>KHUNG BAO CỬA SỔ</b></p>  <p>Quy cách bó: 4 cây/bó</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1.0 mm</td> <td>3.914 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.2 mm</td> <td>4.494 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.4 mm</td> <td>5.046 kg/6m</td> </tr> </tbody> </table>	T	W	1.0 mm	3.914 kg/6m	1.2 mm	4.494 kg/6m	1.4 mm	5.046 kg/6m	<p><b>3313</b></p> <p><b>ĐỔ CỐ ĐỊNH CHIA CÁNH CỬA SỔ</b></p>  <p>Quy cách bó: 2 cây/bó</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1.0 mm</td> <td>4.802 kg/6m</td> </tr> </tbody> </table>	T	W	1.0 mm	4.802 kg/6m				
T	W																
1.0 mm	3.914 kg/6m																
1.2 mm	4.494 kg/6m																
1.4 mm	5.046 kg/6m																
T	W																
1.0 mm	4.802 kg/6m																
<p><b>3313</b></p> <p><b>ĐỔ CỐ ĐỊNH CHIA CÁNH CỬA SỔ</b></p>  <p>Quy cách bó: 2 cây/bó</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1.2 mm</td> <td>5.544 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.4 mm</td> <td>6.366 kg/6m</td> </tr> </tbody> </table>	T	W	1.2 mm	5.544 kg/6m	1.4 mm	6.366 kg/6m	<p><b>8092N</b></p> <p><b>CÁNH CỬA SỔ CÓ GÂN</b></p>  <p>Quy cách bó: 2 cây/bó</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1.2 mm</td> <td>5.682 kg/6m</td> </tr> </tbody> </table>	T	W	1.2 mm	5.682 kg/6m						
T	W																
1.2 mm	5.544 kg/6m																
1.4 mm	6.366 kg/6m																
T	W																
1.2 mm	5.682 kg/6m																
<p><b>8092</b></p> <p><b>CÁNH CỬA SỔ CÓ GÂN</b></p>  <p>Quy cách bó: 2 cây/bó</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1.0 mm</td> <td>5.030 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.4 mm</td> <td>6.234 kg/6m</td> </tr> </tbody> </table>	T	W	1.0 mm	5.030 kg/6m	1.4 mm	6.234 kg/6m	<p><b>8092B</b></p> <p><b>CÁNH CỬA SỔ KHÔNG GÂN</b></p>  <p>Quy cách bó: 2 cây/bó</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1.2 mm</td> <td>5.779 kg/6m</td> </tr> </tbody> </table>	T	W	1.2 mm	5.779 kg/6m						
T	W																
1.0 mm	5.030 kg/6m																
1.4 mm	6.234 kg/6m																
T	W																
1.2 mm	5.779 kg/6m																
<p><b>3209</b></p> <p><b>KHUNG BAO CỐ ĐỊNH VÁCH KÍNH 50</b></p>  <p>Quy cách bó: 4 cây/bó</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1.0 mm</td> <td>3.583 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.2 mm</td> <td>4.254 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.4 mm</td> <td>4.782 kg/6m</td> </tr> </tbody> </table>	T	W	1.0 mm	3.583 kg/6m	1.2 mm	4.254 kg/6m	1.4 mm	4.782 kg/6m	<p><b>3203</b></p> <p><b>ĐỔ T CỐ ĐỊNH</b></p>  <p>Quy cách bó: 4 cây/bó</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>T</th> <th>W</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1.0 mm</td> <td>4.398 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.2 mm</td> <td>5.082 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.4 mm</td> <td>5.880 kg/6m</td> </tr> </tbody> </table>	T	W	1.0 mm	4.398 kg/6m	1.2 mm	5.082 kg/6m	1.4 mm	5.880 kg/6m
T	W																
1.0 mm	3.583 kg/6m																
1.2 mm	4.254 kg/6m																
1.4 mm	4.782 kg/6m																
T	W																
1.0 mm	4.398 kg/6m																
1.2 mm	5.082 kg/6m																
1.4 mm	5.880 kg/6m																

# MÃ DÙNG CHUNG

<p><b>22903</b></p>  <p>Quy cách bó: 2 cây/bó</p>	<p><b>ĐỒ ĐỘNG CỬA ĐI, CỬA SỐ</b></p>  <p>T W 1.2 mm 4.788 kg/6m 1.4 mm 5.376 kg/6m</p>
<p><b>3296</b></p>  <p>Quy cách bó: 10 cây/bó</p>	<p><b>NỆP KÍNH 14MM</b></p>  <p>T W 0.8 mm 1.427 kg/6m 1.0 mm 1.626 kg/6m</p>
<p><b>3236</b></p>  <p>Quy cách bó: 10 cây/bó</p>	<p><b>NỆP KÍNH CHÂN DÀI 13MM</b></p>  <p>Quy cách bó: 10 cây/bó</p> <p>T W 1.0 mm 1.942 kg/6m</p>
<p><b>4590</b></p>  <p>Quy cách bó: 10 cây/bó</p>	<p><b>NỆP KÍNH CHÂN DÀI 24MM</b></p>  <p>Quy cách bó: 10 cây/bó</p> <p>T W 1.0 mm 1.715 kg/6m</p>
<p><b>3310</b></p>  <p>Quy cách bó: 2 cây/bó</p>	<p><b>THANH TRUYỀN KHÓA ĐA ĐIỂM</b></p>  <p>T W 2.5 mm 0.864 kg/6m</p>
<p><b>1283</b></p>  <p>Quy cách bó: 10 cây/bó</p>	<p><b>NỐI KHUNG 90 ĐỘ</b></p>  <p>Quy cách bó: 4 cây/bó</p> <p>T W 2.2 mm 7.620 kg/6m</p>
<p><b>1920</b></p>  <p>Quy cách bó: 10 cây/bó</p>	<p><b>NỐI KHUNG VÁCH KÍNH 30</b></p>  <p>T W 1.6 mm 7.836 kg/6m</p>
<p><b>1283</b></p>  <p>Quy cách bó: 10 cây/bó</p>	<p><b>NỐI KHUNG VÁCH KÍNH</b></p>  <p>T W 2.0 mm 2.286 kg/6m</p>
<p><b>1283</b></p>  <p>Quy cách bó: 10 cây/bó</p>	<p><b>LÁ SÁCH</b></p>  <p>T W 1.2 mm 1.866kg/6m</p>

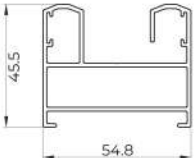
# KHUNG BAO TƯỜNG 100, 200, PHÀO CHỈ

<p><b>38019</b> <b>KHUNG BAO CỬA ĐI 100</b></p>  <p>Quy cách bó: 2 cây/bó</p> <p>T 1.4 mm W 9.900 kg/6m</p>	<p><b>1050</b> <b>KHUNG BAO CỬA SỐ 100</b></p>  <p>Quy cách bó: 2 cây/bó</p> <p>T 1.2 mm W 7.314 kg/6m</p>
<p><b>1250</b> <b>KHUNG BAO NỐI 120</b></p>  <p>Quy cách bó: 2 cây/bó</p> <p>T 1.2 mm W 7.986 kg/6m</p>	<p><b>1040</b> <b>NỆP CHE KHUNG BAO</b></p>  <p>Quy cách bó: 20 cây/bó</p> <p>T 1.0 mm W 1.356 kg/6m</p>
<p><b>11302</b> <b>ĐỐ CỐ ĐỊNH CHIA CÁCH</b></p>  <p>Quy cách bó: 2 cây/bó</p> <p>T 1.5 mm W 12.180 kg/6m</p>	<p><b>38039</b> <b>KHUNG CỐ ĐỊNH 100</b></p>  <p>Quy cách bó: 2 cây/bó</p> <p>T 1.4 mm W 8.150 kg/6m</p>
<p><b>3318A</b> <b>KHUNG BAO PHÀO</b></p>  <p>Quy cách bó: 2 cây/bó</p> <p>T 1.4 mm W 9.310 kg/6m</p>	<p><b>3318B</b> <b>KHUNG PHÀO NỐI</b></p>  <p>Quy cách bó: 2 cây/bó</p> <p>T 1.4 mm W 8.763 kg/6m</p>
<p><b>3319</b> <b>CHỈ TƯỜNG</b></p>  <p>Quy cách bó: 8 cây/bó</p> <p>T 1.2 mm W 1.683 kg/6m</p>	<p><b>3320</b> <b>NỐI CHỈ TƯỜNG</b></p>  <p>Quy cách bó: 8 cây/bó</p> <p>T 1.2 mm W 1.387 kg/6m</p>
<p><b>3321A</b> <b>NỐI ĐỐ</b></p>  <p>Quy cách bó: 2 cây/bó</p> <p>T 1.4 mm W 5.048 kg/6m</p>	<p><b>3321B</b> <b>NỐI ĐỐ LỚN</b></p>  <p>Quy cách bó: 1 cây/bó</p> <p>T 1.4 mm W 8.392 kg/6m</p>

Danh mục mặt cắt

# CỬA ĐI MỞ LÙA

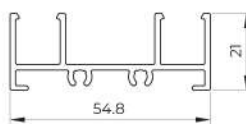
**23251 KHUNG BAO CỬA ĐI LÙA**



Quy cách bó: 4 cây/bó

T	W
1.4 mm	6.091 kg/6m

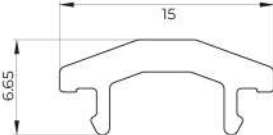
**23252 KHUNG BAO DƯỚI CỬA ĐI LÙA**



Quy cách bó: 4 cây/bó

T	W
1.5 mm	3.631 kg/6m

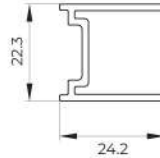
**23253 RAY LÙA**



Quy cách bó: 30 cây/bó

T	W
2 mm	0.616 kg/6m

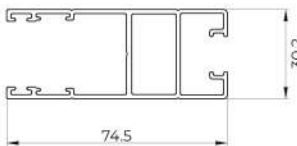
**23254 ỐP KHÓA TRUNG GIAN**



Quy cách bó: 8 cây/bó

T	W
1.5 mm	1.799 kg/6m

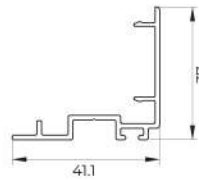
**23256 CÁNH CỬA ĐI MỞ LÙA**



Quy cách bó: 4 cây/bó

T	W
1.4 mm	5.837 kg/6m

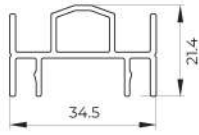
**23257 THANH ỐP MÓC**



Quy cách bó: 8 cây/bó

T	W
1.3 mm	2.174 kg/6m

**23258 ĐỐI ĐẦU CỬA 4 CÁNH**

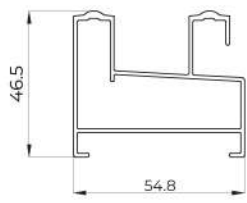
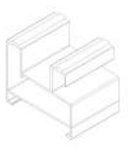
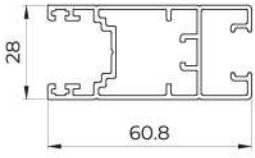

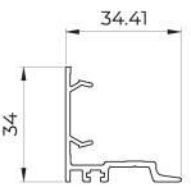

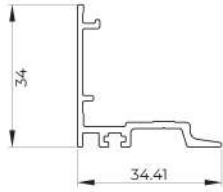
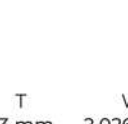
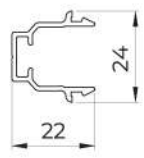

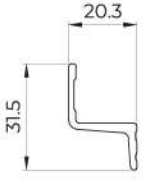

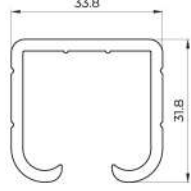



Quy cách bó: 4 cây/bó

T	W
1.4 mm	2.605 kg/6m

Danh mục mặt cắt

# CỬA SỔ MỞ LÙA

<p><b>23151</b></p>  <p><b>KHUNG BAO CỬA LÙA</b></p>  <table border="0"> <tr> <td>T</td> <td>W</td> </tr> <tr> <td>1.0 mm</td> <td>4.270 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.2 mm</td> <td>4.956 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.4 mm</td> <td>5.496 kg/6m</td> </tr> </table> <p>Quy cách bó: 4 cây/bó</p>	T	W	1.0 mm	4.270 kg/6m	1.2 mm	4.956 kg/6m	1.4 mm	5.496 kg/6m	<p><b>23156</b></p>  <p><b>CÁNH CỬA MỞ LÙA</b></p>  <table border="0"> <tr> <td>T</td> <td>W</td> </tr> <tr> <td>1.0 mm</td> <td>4.260 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.2 mm</td> <td>5.064 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.4 mm</td> <td>5.250 kg/6m</td> </tr> </table> <p>Quy cách bó: 4 cây/bó</p>	T	W	1.0 mm	4.260 kg/6m	1.2 mm	5.064 kg/6m	1.4 mm	5.250 kg/6m
T	W																
1.0 mm	4.270 kg/6m																
1.2 mm	4.956 kg/6m																
1.4 mm	5.496 kg/6m																
T	W																
1.0 mm	4.260 kg/6m																
1.2 mm	5.064 kg/6m																
1.4 mm	5.250 kg/6m																
<p><b>23157</b></p>  <p><b>THANH ỐP MÓC</b></p>  <table border="0"> <tr> <td>T</td> <td>W</td> </tr> <tr> <td>1.3 mm</td> <td>2.184 kg/6m</td> </tr> </table> <p>Quy cách bó: 8 cây/bó</p>	T	W	1.3 mm	2.184 kg/6m	<p><b>23157N</b></p>  <p><b>THANH ỐP MÓC</b></p>  <table border="0"> <tr> <td>T</td> <td>W</td> </tr> <tr> <td>1.3 mm</td> <td>2.026 kg/6m</td> </tr> </table> <p>Quy cách bó: 8 cây/bó</p>	T	W	1.3 mm	2.026 kg/6m								
T	W																
1.3 mm	2.184 kg/6m																
T	W																
1.3 mm	2.026 kg/6m																
<p><b>23158</b></p>  <p><b>THANH TRUNG GIAN 4 CÁNH</b></p>  <table border="0"> <tr> <td>T</td> <td>W</td> </tr> <tr> <td>1.2 mm</td> <td>1.368 kg/6m</td> </tr> </table> <p>Quy cách bó: 4 cây/bó</p>	T	W	1.2 mm	1.368 kg/6m	<p><b>23159</b></p>  <p><b>THANH CHẮN NƯỚC MƯA</b></p>  <table border="0"> <tr> <td>T</td> <td>W</td> </tr> <tr> <td>1.0 mm</td> <td>1.668 kg/6m</td> </tr> </table> <p>Quy cách bó: 10 cây/bó</p>	T	W	1.0 mm	1.668 kg/6m								
T	W																
1.2 mm	1.368 kg/6m																
T	W																
1.0 mm	1.668 kg/6m																
<p><b>0527F</b></p>  <p><b>THANH LÙA TREO</b></p>  <table border="0"> <tr> <td>T</td> <td>W</td> </tr> <tr> <td>2.6 mm</td> <td>4.320 kg/6m</td> </tr> </table> <p>Quy cách bó: 8 cây/bó</p>	T	W	2.6 mm	4.320 kg/6m													
T	W																
2.6 mm	4.320 kg/6m																



# HỆ DT93



## ĐẶC TÍNH NỔI BẬT

- Thiết kế hiện đại, đẹp mắt với các đường gân trên bề mặt nhôm. Tạo sự cứng cáp, vững cho hệ cửa.
- Lắp ghép đơn giản, mặt cắt sắc nét, tính thẩm mỹ cao.
- Tận dụng diện tích không gian hiệu quả nhờ kiểu dáng linh hoạt.
- Bề mặt nhôm chống ăn mòn, không bị ôxi hóa trước tác động thời tiết.
- Đa dạng kích thước và số cánh (2 cánh, 4 cánh).

## TÍNH NĂNG

- Kín khí:  $<27\text{m}^3/\text{h.m}^2$ ; áp suất  $P=\pm 100\text{ Pa}$
- Kín nước:  $P=100\text{ Pa}$  trong vòng 25 phút
- Áp lực gió: Áp suất  $P=\pm 1600\text{ Pa}$
- Cách nhiệt: Tùy vào loại kính sử dụng
- Cách âm: 25 dB
- Khả năng chống trộm: level 2

(\*) Thông số mang tính chất tham khảo từ lý thuyết.

### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Kích thước cánh tối đa	W 2.2 m x H 3.0 m
Khối lượng cánh tối đa	100 kg/ cánh
Chiều sâu khung cánh	93 mm
Độ dày Profile	1.2 - 2.0 mm
Rãnh lắp kính	12 mm
Ghép góc	90 độ

MÀU SẮC



Xám (PXX)



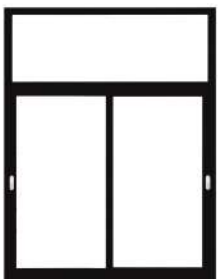
Nâu (PNX)



Xám Ánh Kim (M01)



Gỗ 2D  
Gỗ Sồi Vàng (30)



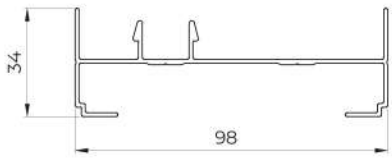

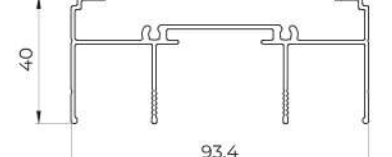
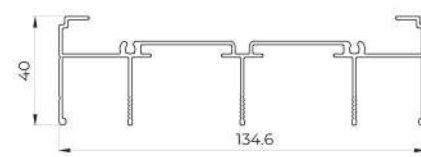
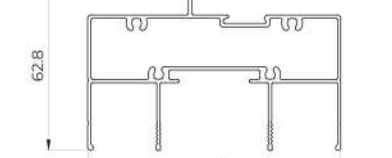
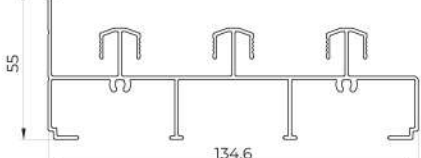
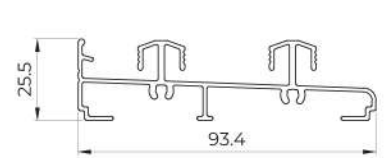
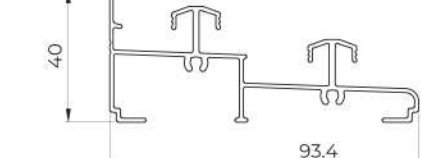
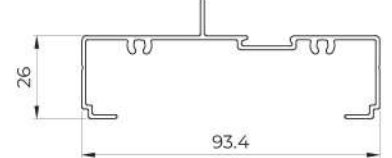
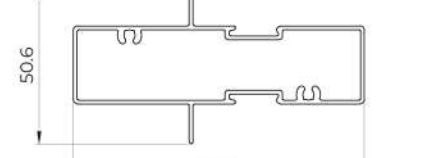
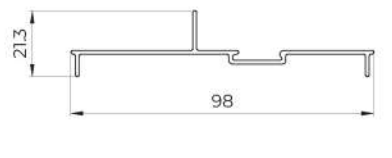
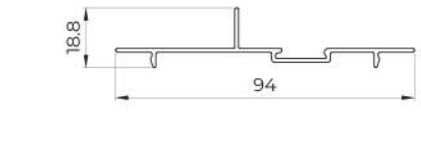
Gỗ 3D  
Linh Sam Xám (G01)



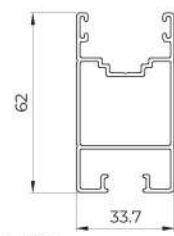

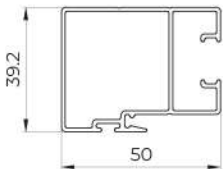

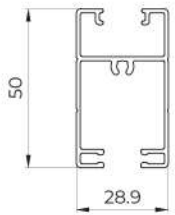

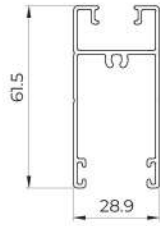

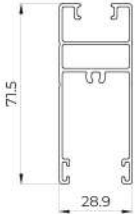

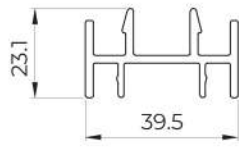
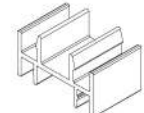
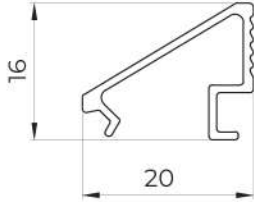
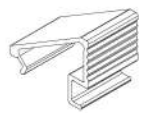
Gỗ 3D  
Linh Sam Nâu (G02)



# CỬA LỬA

<p><b>DT-1543</b> <b>KHUNG BAO ĐỨNG</b></p>  <p>T W 1.2 mm 4.589 kg/6m 1.4 mm 5.030 kg/6m 2.0 mm 7.025 kg/6m</p> <p>Quy cách bó: 4 cây/ bó</p>	<p><b>DT-3213</b> <b>KHUNG BAO ĐỨNG 3 RAY</b></p>  <p>T W 1.2 mm 5.593 kg/6m 2.0 mm 8.477 kg/6m</p> <p>Quy cách bó: 4 cây/ bó</p>
<p><b>DT-1541</b> <b>KHUNG BAO NGANG TRÊN</b></p>  <p>T W 1.2 mm 5.677 kg/6m 1.4 mm 6.421 kg/6m 2.0 mm 9.059 kg/6m</p> <p>Quy cách bó: 4 cây/ bó</p>	<p><b>DT-3211</b> <b>KHUNG BAO NGANG TRÊN 3 RAY</b></p>  <p>T W 1.2 mm 7.514 kg/6m 2.0 mm 12.116 kg/6m</p> <p>Quy cách bó: 2 cây/ bó</p>
<p><b>DT-1551</b> <b>KHUNG TRUNG GIAN TRÊN</b></p>  <p>T W 1.2 mm 8.417 kg/6m 1.4 mm 9.498 kg/6m 2.0 mm 13.328 kg/6m</p> <p>Quy cách bó: 2 cây/ bó</p>	<p><b>DT-3212</b> <b>KHUNG BAO NGANG DƯỚI 3 RAY</b></p>  <p>T W 1.2 mm 9.263 kg/6m 2.0 mm 14.247 kg/6m</p> <p>Quy cách bó: 2 cây/ bó</p>
<p><b>DT-17182</b> <b>RAY DƯỚI CỬA ĐI LỬA</b></p>  <p>T W 1.2 mm 5.857 kg/6m 1.4 mm 6.152 kg/6m 2.0 mm 8.758 kg/6m</p> <p>Quy cách bó: 4 cây/ bó</p>	<p><b>DT-1942</b> <b>RAY DƯỚI CỬA SỐ LỬA</b></p>  <p>T W 1.2 mm 6.598 kg/6m 2.0 mm 9.688 kg/6m</p> <p>Quy cách bó: 4 cây/ bó</p>
<p><b>DT-1559</b> <b>KHUNG BAO NGANG VÁCH KÍNH</b></p>  <p>T W 1.2 mm 4.221 kg/6m 1.4 mm 4.727 kg/6m 2.0 mm 6.625 kg/6m</p> <p>Quy cách bó: 4 cây/ bó</p>	<p><b>DT-2618</b> <b>ĐỐ CỐ ĐỊNH CHO VÁCH KÍNH</b></p>  <p>T W 1.2 mm 5.929 kg/6m 2.0 mm 10.26 kg/6m</p> <p>Quy cách bó: 2 cây/ bó</p>
<p><b>DT-1549</b> <b>NỐI KHUNG VÁCH KÍNH ĐỨNG</b></p>  <p>T W 1.2 mm 2.66 kg/6m 2.0 mm 4.393 kg/6m</p> <p>Quy cách bó: 8 cây/ bó</p>	<p><b>DT-1578</b> <b>NỐI KHUNG VÁCH KÍNH NGANG</b></p>  <p>T W 1.2 mm 2.502 kg/6m 2.0 mm 4.172 kg/6m</p> <p>Quy cách bó: 4 cây/ bó</p>

# CỬA LÙA

<p><b>DT-1546</b></p>  <p>Quy cách bó: 4 cây/ bó</p>	<p><b>KHUNG CÁNH ĐỨNG</b></p>  <table border="0"> <tr> <td>T</td> <td>W</td> </tr> <tr> <td>1.2 mm</td> <td>4.798 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.4 mm</td> <td>5.541 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>2.0 mm</td> <td>7.82 kg/6m</td> </tr> </table>	T	W	1.2 mm	4.798 kg/6m	1.4 mm	5.541 kg/6m	2.0 mm	7.82 kg/6m	<p><b>DT-1547</b></p>  <p>Quy cách bó: 4 cây/ bó</p>	<p><b>KHUNG CÁNH ĐỨNG MÓC</b></p>  <table border="0"> <tr> <td>T</td> <td>W</td> </tr> <tr> <td>1.2 mm</td> <td>4.292 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.4 mm</td> <td>4.896 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>2.0 mm</td> <td>6.74 kg/6m</td> </tr> </table>	T	W	1.2 mm	4.292 kg/6m	1.4 mm	4.896 kg/6m	2.0 mm	6.74 kg/6m
T	W																		
1.2 mm	4.798 kg/6m																		
1.4 mm	5.541 kg/6m																		
2.0 mm	7.82 kg/6m																		
T	W																		
1.2 mm	4.292 kg/6m																		
1.4 mm	4.896 kg/6m																		
2.0 mm	6.74 kg/6m																		
<p><b>DT-1544</b></p>  <p>Quy cách bó: 4 cây/ bó</p>	<p><b>KHUNG CÁNH NGANG TRÊN</b></p>  <table border="0"> <tr> <td>T</td> <td>W</td> </tr> <tr> <td>1.2 mm</td> <td>3.907 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.4 mm</td> <td>4.476 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>2.0 mm</td> <td>6.124 kg/6m</td> </tr> </table>	T	W	1.2 mm	3.907 kg/6m	1.4 mm	4.476 kg/6m	2.0 mm	6.124 kg/6m	<p><b>DT-1545</b></p>  <p>Quy cách bó: 4 cây/ bó</p>	<p><b>KHUNG CÁNH NGANG DƯỚI</b></p>  <table border="0"> <tr> <td>T</td> <td>W</td> </tr> <tr> <td>1.2 mm</td> <td>4.199 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.4 mm</td> <td>4.663 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>1.8 mm</td> <td>5.687 kg/6m</td> </tr> </table>	T	W	1.2 mm	4.199 kg/6m	1.4 mm	4.663 kg/6m	1.8 mm	5.687 kg/6m
T	W																		
1.2 mm	3.907 kg/6m																		
1.4 mm	4.476 kg/6m																		
2.0 mm	6.124 kg/6m																		
T	W																		
1.2 mm	4.199 kg/6m																		
1.4 mm	4.663 kg/6m																		
1.8 mm	5.687 kg/6m																		
<p><b>DT-1555</b></p>  <p>Quy cách bó: 4 cây/ bó</p>	<p><b>KHUNG CÁNH NGANG DƯỚI LỚN</b></p>  <table border="0"> <tr> <td>T</td> <td>W</td> </tr> <tr> <td>1.2 mm</td> <td>5.095 kg/6m</td> </tr> <tr> <td>2.0 mm</td> <td>7.649 kg/6m</td> </tr> </table>	T	W	1.2 mm	5.095 kg/6m	2.0 mm	7.649 kg/6m	<p><b>DT-1548</b></p>  <p>Quy cách bó: 8 cây/ bó</p>	<p><b>KHUNG TRUNG GIAN 4 CÁNH</b></p>  <table border="0"> <tr> <td>T</td> <td>W</td> </tr> <tr> <td>2.0 mm</td> <td>3.729 kg/6m</td> </tr> </table>	T	W	2.0 mm	3.729 kg/6m						
T	W																		
1.2 mm	5.095 kg/6m																		
2.0 mm	7.649 kg/6m																		
T	W																		
2.0 mm	3.729 kg/6m																		
<p><b>DT-1010</b></p>  <p>Quy cách bó: 10 cây/ bó</p>																			
<p><b>NỆP CỐ ĐỊNH 10MM</b></p>  <table border="0"> <tr> <td>T</td> <td>W</td> </tr> <tr> <td>0.9 mm</td> <td>0.816 kg/6m</td> </tr> </table>				T	W	0.9 mm	0.816 kg/6m												
T	W																		
0.9 mm	0.816 kg/6m																		

# HỆ VÁT CẠNH - VC55



## ĐẶC TÍNH NỔI BẬT

- Tiết kiệm chi phí sản xuất một cách hiệu quả với thanh nhôm được thiết kế vát cạnh đặc biệt tiện lợi.
- Góp phần rút ngắn thời gian sản xuất và thi công, mang lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng sử dụng.
- Thanh chắn nước ở cửa lùa hỗ trợ tối ưu trong việc chống nước mưa.
- Bề mặt nhôm chống oxy hóa, không bị gỉ sét khi tiếp xúc với thời tiết.
- Nhôm cứng cáp, độ bền lên đến 20 năm.

## TÍNH NĂNG THAM KHẢO

THÔNG SỐ KỸ THUẬT	
Kích thước cánh tối đa	W 1.5m x H 2.6 m
Kích thước cánh tối đa	150 kg/ cánh cửa đi
	80 kg/ cánh cửa sổ
Chiều sâu khung cánh	55 mm
Độ dày Profile	1.2 mm
Rãnh lắp kính	11 mm
Ghép góc	45 độ

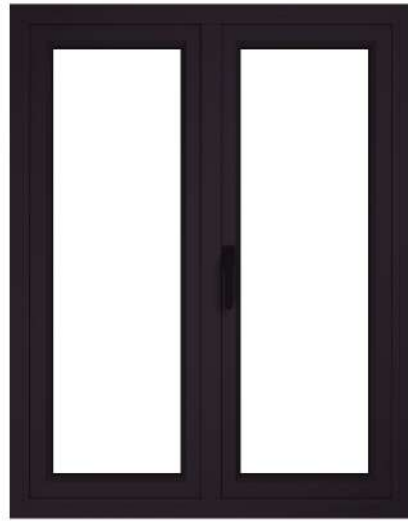
(\*) Thông số mang tính chất tham khảo từ lý thuyết

MÀU SẮC

---



Trắng (PTX)



Xám (PXX)

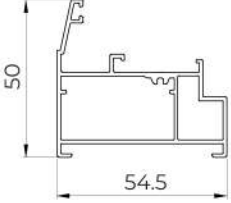
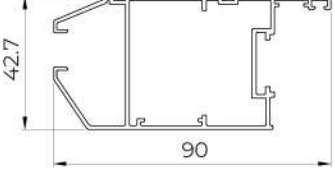
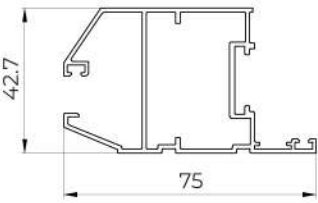
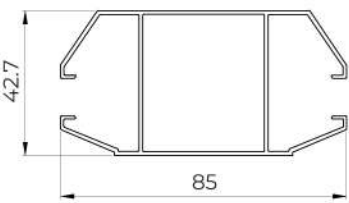
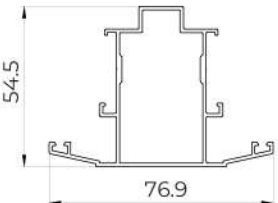
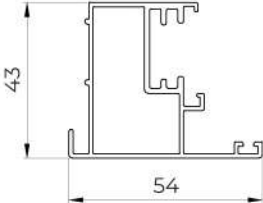
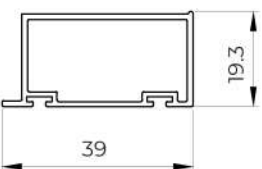
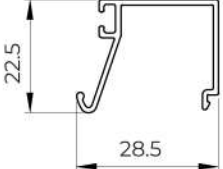
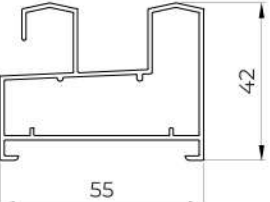
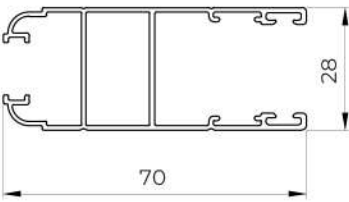
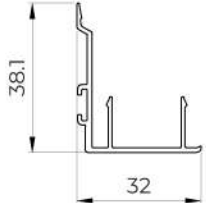
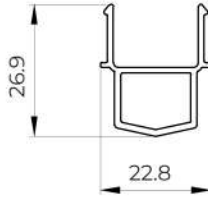


Nâu (PNX)



Danh mục mặt cắt

# VÁT CẠNH

<p><b>DT-11709</b> <b>KHUNG BAO VÁT CẠNH</b></p>  <p>Quy cách bó: 4 cây/ bó</p> <p>T 1.2 mm W 4.987 kg/6m</p>	<p><b>DT-11710</b> <b>CÁNH CỬA ĐI VÁT CẠNH</b></p>  <p>Quy cách bó: 2 cây/ bó</p> <p>T 1.2 mm W 6.375 kg/6m</p>
<p><b>DT-11711</b> <b>CÁNH CỬA SỐ VÁT CẠNH</b></p>  <p>Quy cách bó: 4 cây/ bó</p> <p>T 1.2 mm W 5.786 kg/6m</p>	<p><b>DT-11712</b> <b>ĐỒ CHIA CÁNH</b></p>  <p>Quy cách bó: 2 cây/ bó</p> <p>T 1.2 mm W 5.644 kg/6m</p>
<p><b>DT-11713</b> <b>ĐỒ CHIA KHUNG</b></p>  <p>Quy cách bó: 2 cây/ bó</p> <p>T 1.2 mm W 5.543 kg/6m</p>	<p><b>DT-11714</b> <b>ĐỒ ĐỘNG</b></p>  <p>Quy cách bó: 2 cây/ bó</p> <p>T 1.2 mm W 4.613 kg/6m</p>
<p><b>DT-11715</b> <b>THANH ỐP ĐÁY</b></p>  <p>Quy cách bó: 4 cây/ bó</p> <p>T 1.2 mm W 2.206 kg/6m</p>	<p><b>DT-11716</b> <b>NỆP KÍNH</b></p>  <p>Quy cách bó: 10 cây/ bó</p> <p>T 1.1 mm W 1.456 kg/6m</p>
<p><b>DT-11717</b> <b>KHUNG BAO LỬA VÁT CẠNH</b></p>  <p>Quy cách bó: 4 cây/ bó</p> <p>T 1.2 mm W 4.692 kg/6m</p>	<p><b>DT-11718</b> <b>CÁNH CỬA LỬA VÁT CẠNH</b></p>  <p>Quy cách bó: 4 cây/ bó</p> <p>T 1.0 mm W 4.32 kg/6m</p>
<p><b>DT-11719</b> <b>THANH ỐP MÓC</b></p>  <p>Quy cách bó: 8 cây/ bó</p> <p>T 1.2 mm W 2.031 kg/6m</p>	<p><b>DT-11720</b> <b>THANH TRUNG GIAN 4 CÁNH</b></p>  <p>Quy cách bó: 4 cây/ bó</p> <p>T 1.2 mm W 1.767 kg/6m</p>



# HỆ DT65



Hệ mặt dựng 65 là lựa chọn lý tưởng cho các công trình lớn, yêu cầu kỹ thuật cao như tòa nhà cao tầng, trung tâm thương mại... nhờ khả năng chịu lực vượt trội, độ kín khít hoàn hảo theo tiêu chuẩn kỹ thuật châu Âu và đặc biệt là tính kinh tế khi ứng dụng.

## ĐẶC TÍNH NỔI BẬT

- Khả năng chịu lực tác động từ bên ngoài tốt, bền bỉ với thời gian.
- Đảm bảo độ kín khí, cách âm, cách nhiệt, chống cháy hiệu quả.
- Thiết kế đón sáng tối đa, tiết kiệm điện năng.
- Lắp đặt nhanh chóng, bảo trì - bảo dưỡng đơn giản, tiết kiệm thời gian - chi phí.
- Đa dạng màu sắc, ứng dụng thẩm mỹ cao, tinh tế - sang trọng phù hợp nhiều phong cách kiến trúc.

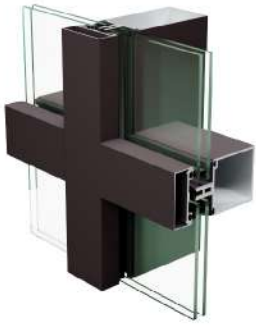
## TÍNH NĂNG

### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

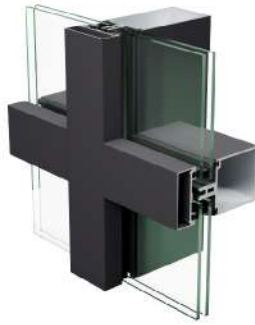
Bề rộng khung nhôm	65mm
Kích thước thanh nhôm	65x120 mm, 65x77 mm 65x108 mm, 65x65 mm
Độ dày khung nhôm	1.2-3.5 mm
Chiều dày kính	8-24 mm
Chép góc	90 độ

MÀU SẮC

---



Nâu (PNX)



Xám (PXX)



Trắng (PTX)

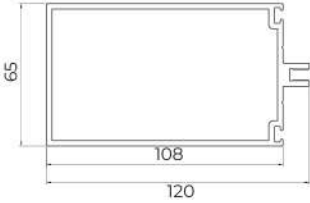
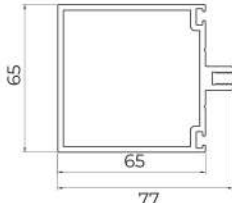
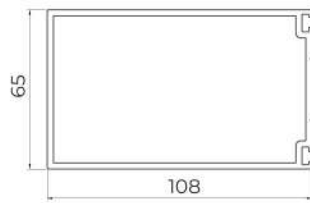
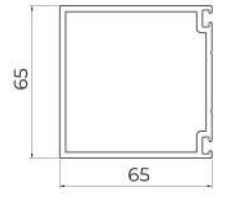

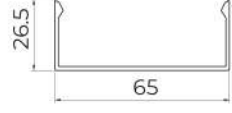
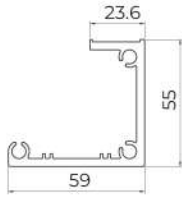
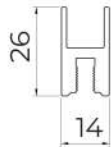
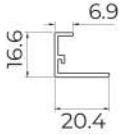
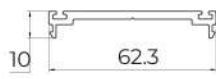
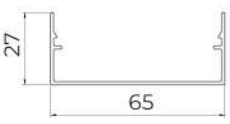
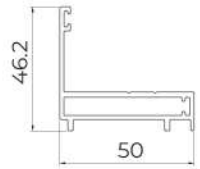


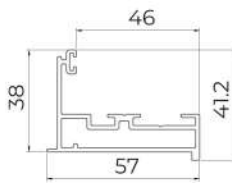
Đen Nhám (PDI)



Danh mục mặt cắt

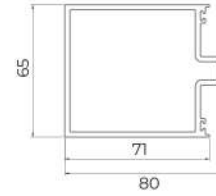
# MẶT DỰNG

<p><b>65010</b> <b>ĐỔ ĐỨNG LỘ ĐỔ 120</b></p>  <p>Quy cách bó: 1 cây/ bó</p> <p>T 2.5 mm W 14.985 kg/6m</p>	<p><b>65020</b> <b>ĐỔ NGANG LỘ ĐỔ 77</b></p>  <p>Quy cách bó: 2 cây/ bó</p> <p>T 2.5 mm W 11.549 kg/6m</p>
<p><b>65030</b> <b>ĐỔ ĐỨNG GIẤU ĐỔ 108</b></p>  <p>Quy cách bó: 1 cây/ bó</p> <p>T 2.5 mm W 13.713 kg/6m</p>	<p><b>65040</b> <b>ĐỔ NGANG GIẤU ĐỔ 65</b></p>  <p>Quy cách bó: 2 cây/ bó</p> <p>T 2.5 mm W 10.278 kg/6m</p>
<p><b>65050</b> <b>ĐỂ ỐP MẶT NGOÀI</b></p>  <p>Quy cách bó: 6 cây/ bó</p> <p>T 2.3 mm W 3.312 kg/6m</p>	<p><b>65060</b> <b>NẮP ĐẬY ĐỂ ỐP</b></p>  <p>Quy cách bó: 10 cây/ bó</p> <p>T 1.5 mm W 2.829 kg/6m</p>
<p><b>65070</b> <b>PAT LIÊN KẾT THANH NGANG</b></p>  <p>Quy cách bó: 2 cây/ bó</p> <p>T 3.5 mm W 8.538 kg/6m</p>	<p><b>65080</b> <b>THANH CHUYỂN KÍNH HỘP</b></p>  <p>Quy cách bó: 10 cây/ bó</p> <p>T 1.5 mm W 2.766 kg/6m</p>
<p><b>G5050</b> <b>ĐỔ KÍNH ĐƠN CỬA SỔ</b></p>  <p>Quy cách bó: 10 cây/ bó</p> <p>T 1.2 mm W 1.000 kg/6m</p>	<p><b>G0150</b> <b>ĐỂ SẠP</b></p>  <p>Quy cách bó: 6 cây/ bó</p> <p>T 3.0 mm W 3.462 kg/6m</p>
<p><b>G0660</b> <b>NẮP CHỤP</b></p>  <p>Quy cách bó: 10 cây/ bó</p> <p>T 1.2 mm W 2.487 kg/6m</p>	<p><b>G1295</b> <b>KHUNG BAO CỬA SỔ</b></p>  <p>Quy cách bó: 4 cây/ bó</p> <p>T 1.5 mm W 4.494 kg/6m</p>

**MẶT DỰNG****G1365****KHUNG CÁNH CỬA SỔ**

Quy cách bó: 4 cây/ bó

T	W
1.5 mm	4.821 kg/6m

**G4610****ĐỐ ĐỨNG LỘ ĐỔ 80**

Quy cách bó: 2 cây/ bó

T	W
2.5 mm	11.943 kg/6m

# HỆ DT63



## ĐẶC TÍNH NỔI BẬT

- Tận dụng tối đa diện tích và không gian thông qua lối vận hành của bộ cửa.
- Có thể mở rộng toàn bộ số cánh, linh hoạt, tiện dụng cho người dùng.
- Vận hành nhẹ nhàng, dễ sử dụng.
- Cách âm, cách nhiệt, thoát nước tốt.
- Profile nhôm dày dặn, cứng cáp, bền bỉ.
- Bề mặt nhôm chống ăn mòn, không bị ôxi hóa trước tác động thời tiết.
- Kết hợp sử dụng được đa dạng các loại kính: kính đơn, kính hộp, kính cường lực,...
- Áp dụng: Cửa đi

## TÍNH NĂNG

- Kín khí:  $<12.5\text{m}^3/\text{h.m}^2$ ; áp suất  $P=\pm 100\text{ Pa}$
- Kín nước:  $P=150\text{ Pa}$  trong vòng 30 phút
- Áp lực gió: Áp suất  $P=\pm 1200\text{ Pa}$
- Cách nhiệt: Tùy vào loại kính sử dụng
- Cách âm: 25 dB
- Khả năng chống trộm: level 1

(\*) Thông số mang tính chất tham khảo từ lý thuyết.

### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Kích thước cánh tối đa	W 1.5 m x H 2.8 m
Khối lượng cánh tối đa	150 kg/ cánh
Chiều sâu khung cánh	63 mm
Độ dày Profile	2.0 mm
Rãnh lắp kính	15 mm
Ghép góc	45/90 độ

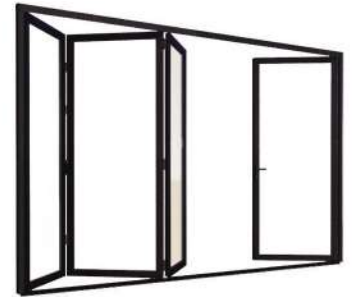
MÀU SẮC



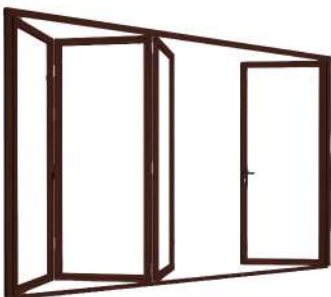
Xám (PXX)



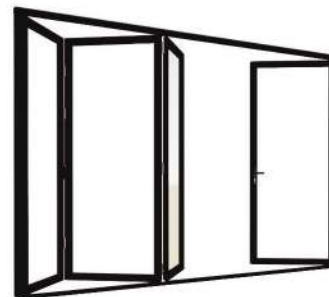
Nâu (PNX)



Xám Ánh Kim (M01)



Gỗ 2D  
Gỗ Sồi Vàng (30)



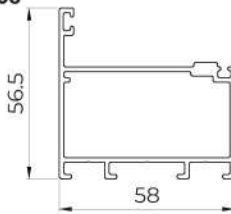

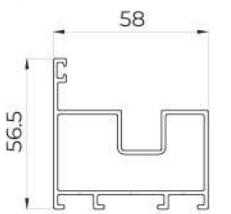

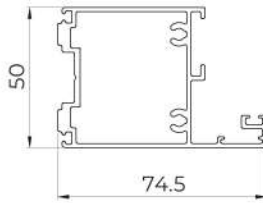

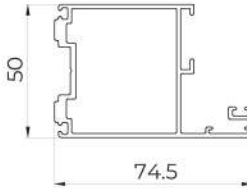

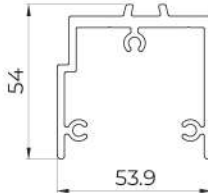

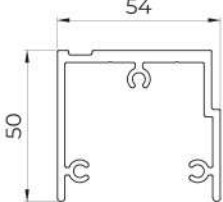

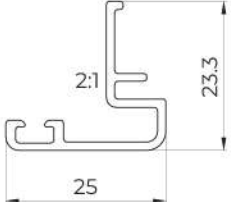
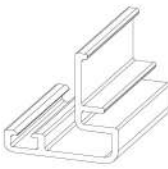
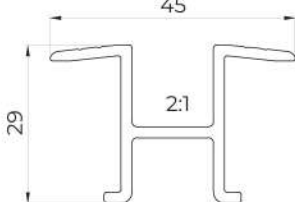

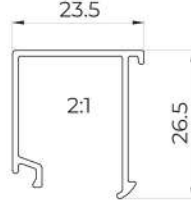

Gỗ 3D  
Linh Sam Xám (G01)



Gỗ 3D  
Linh Sam Nâu (G02)



# CỬA XẾP TRƯỢT

<p><b>DT-F606</b></p>  <p>Quy cách bó: 4 cây/ bó</p>	<p><b>KHUNG BAO ĐỨNG</b></p>  <p>T 1.5 mm W 6.339 kg/6m</p>	<p><b>DT-F607</b></p>  <p>Quy cách bó: 4 cây/ bó</p>	<p><b>KHUNG BAO NGANG TRÊN</b></p>  <p>T 3.0 mm W 19.148 kg/6m</p>	<p><b>DT-F522</b></p>  <p>Quy cách bó: 2 cây/ bó</p>	<p><b>CÁNH CÓ LỖ VÍT</b></p>  <p>T 1.5 mm W 8.552 kg/6m</p>	<p><b>DT-F523</b></p>  <p>Quy cách bó: 2 cây/ bó</p>	<p><b>CÁNH KHÔNG LỖ VÍT</b></p>  <p>T 1.5 mm W 7.743 kg/6m</p>	<p><b>DT-F608</b></p>  <p>Quy cách bó: 2 cây/ bó</p>	<p><b>KHUNG LIÊN KẾT NGANG TRÊN</b></p>  <p>T 2.5 mm W 8.924 kg/6m</p>	<p><b>DT-F609</b></p>  <p>Quy cách bó: 4 cây/ bó</p>	<p><b>KHUNG LIÊN KẾT NGANG DƯỚI</b></p>  <p>T 2.5 mm W 8.439 kg/6m</p>	<p><b>DT-F520</b></p>  <p>Quy cách bó: 10 cây/ bó</p>	<p><b>CÁNH KHÔNG LỖ VÍT</b></p>  <p>T 1.3 mm W 1.517 kg/6m</p>	<p><b>DT-F5409</b></p>  <p>Quy cách bó: 10 cây/ bó</p>	<p><b>KHUNG BAO NGANG DƯỚI ÂM NỀN</b></p>  <p>T 2.0 mm W 3.452 kg/6m</p>	<p><b>DT-F521</b></p>  <p>Quy cách bó: 10 cây/ bó</p>	<p><b>NỆP CÁNH 15MM</b></p>  <p>T 1.0 mm W 1.403 kg/6m</p>
---	--	---	---	--	--	--	--	---	--	---	---	--	---	--	---	---	---



# HỆ DT700



## ĐẶC TÍNH NỔI BẬT

- Được thiết kế với phong cách Á Đông mang đến vẻ đẹp cho không gian sống.
- Đa dạng màu sắc phù hợp với sở thích và phong cách kiến trúc.
- Góc cắt 90 độ đem đến các kiểu dáng ứng dụng truyền thống với chi phí hợp lí.
- Áp dụng: Cửa đi mở quay, cửa sổ & cửa đi mở lùa, vách ngăn.

## TÍNH NĂNG

- Kín khí:
- Kín nước:
- Áp lực gió:

### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Kích thước cánh tối đa	W 1.0 m x H 2.3 m
Khối lượng cánh tối đa	60 kg/ cánh
Chiều sâu khung cánh	70 mm
Độ dày Profile	0.7 - 1.2 mm
Rãnh lắp kính	12 mm
Ghép góc	90 độ

MÀU SẮC



Xám (XT)



Nâu Nhám (NN)



Trắng Sữa (TS)



Trắng Bóng (TB)



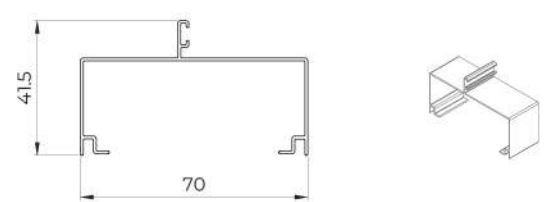
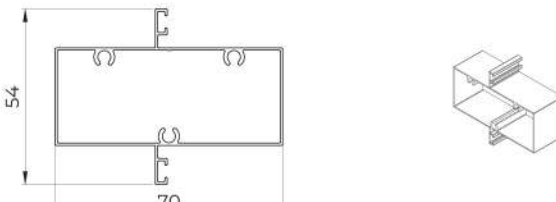
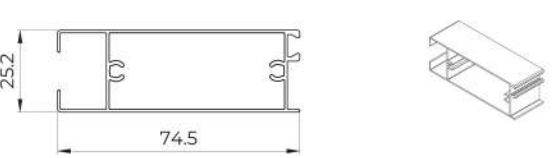

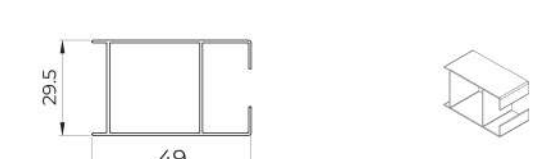
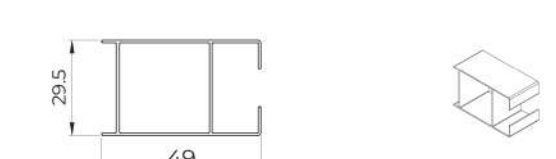
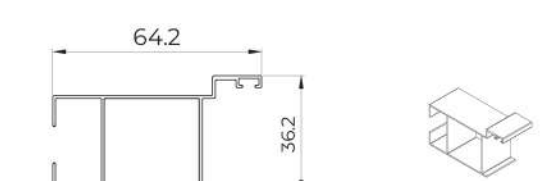
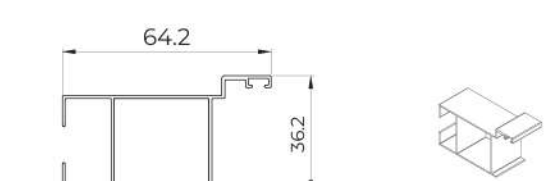
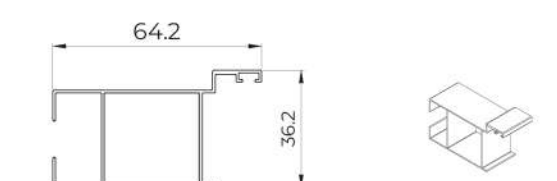
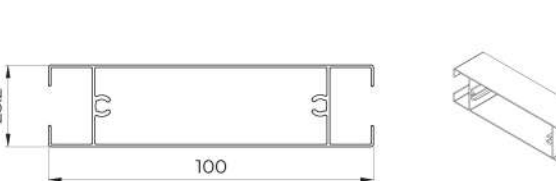
Gỗ 2D  
Gỗ Anh Đào Đỏ (96)

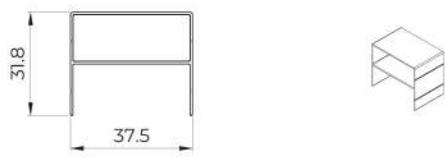
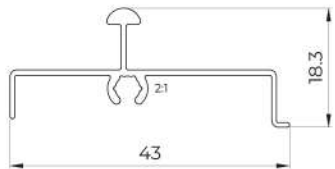
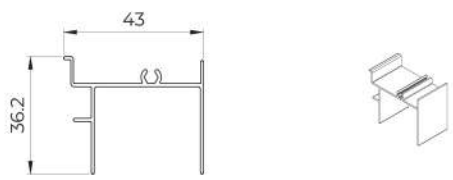
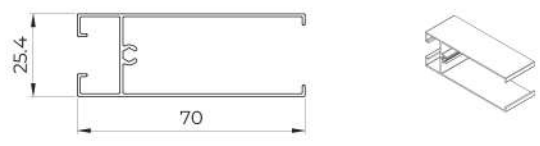
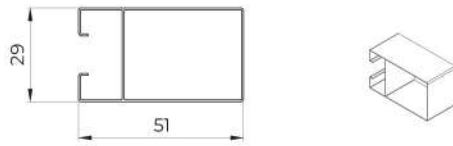
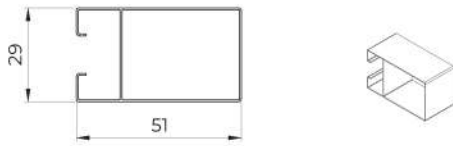

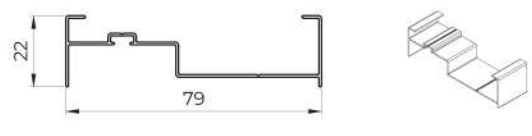
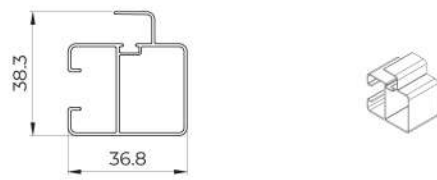
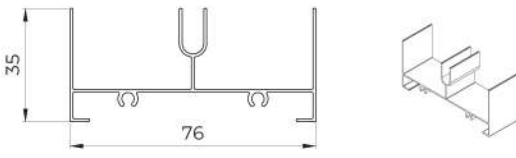
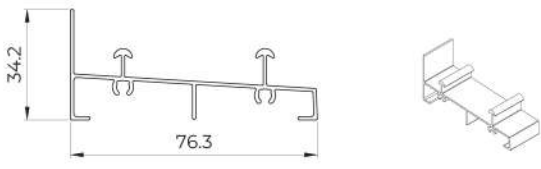


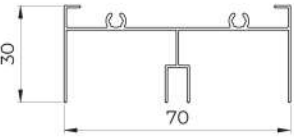

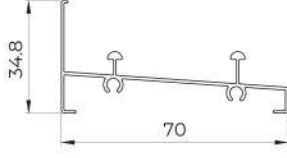

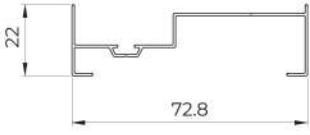
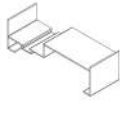
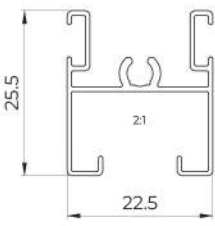
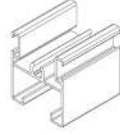
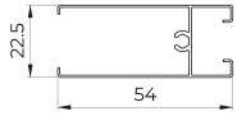

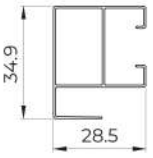

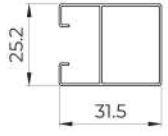

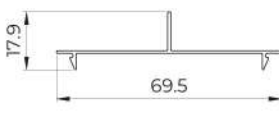
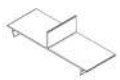
Gỗ 2D  
Gỗ Sưa Vàng (20)





<p><b>7002</b></p>  <p>Quy cách bó: 6 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.90 mm</p>	<p><b>7006</b></p>  <p>Quy cách bó: 3 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.70 mm</p>
<p><b>7051</b></p>  <p>Quy cách bó: 4 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.80 mm</p>	<p><b>7052</b></p>  <p>Quy cách bó: 6 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.80 mm</p>
<p><b>7052-4.4</b></p>  <p>Quy cách bó: 6 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.80 mm</p>	<p><b>7052-4.8</b></p>  <p>Quy cách bó: 6 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.80 mm</p>
<p><b>7053</b></p>  <p>Quy cách bó: 6 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">0.80 mm</p>	<p><b>7053-4.4</b></p>  <p>Quy cách bó: 6 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">0.80 mm</p>
<p><b>7053-4.8</b></p>  <p>Quy cách bó: 6 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">0.80 mm</p>	<p><b>7054</b></p>  <p>Quy cách bó: 4 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.75 mm</p>

<p><b>9913</b></p>  <p>Quy cách bó: 10 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.75 mm</p>	<p><b>9914</b></p>  <p>Quy cách bó: 16 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.70 mm</p>
<p><b>9915</b></p>  <p>Quy cách bó: 8 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.90 mm</p>	<p><b>9951</b></p>  <p>Quy cách bó: 8 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.85 mm</p>
<p><b>9952</b></p>  <p>Quy cách bó: 6 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.60 mm</p>	<p><b>9952-4.8</b></p>  <p>Quy cách bó: 6 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.60 mm</p>
<p><b>9954</b></p>  <p>Quy cách bó: 8 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.80 mm</p>	<p><b>2405</b></p>  <p>Quy cách bó: 8 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.80 mm</p>
<p><b>2407</b></p>  <p>Quy cách bó: 8 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.90 mm</p>	<p><b>2409</b></p>  <p>Quy cách bó: 6 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.90 mm</p>
<p><b>2413</b></p>  <p>Quy cách bó: 8 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 1.00 mm</p>	

<p><b>5051</b></p>  <p>Quy cách bó: 6 cây/ bó</p>	<p><b>KHUNG BAO TRÊN</b></p>  <p><math>T</math> 0.70 mm</p>	<p><b>5052</b></p>  <p>Quy cách bó: 8 cây/ bó</p>	<p><b>KHUNG RAY DƯỚI</b></p>  <p><math>T</math> 0.75 mm</p>
<p><b>5053</b></p>  <p>Quy cách bó: 8 cây/ bó</p>	<p><b>KHUNG BAO ĐỨNG</b></p>  <p><math>T</math> 0.75 mm</p>	<p><b>5054</b></p>  <p>Quy cách bó: 12 cây/ bó</p>	<p><b>CÁNH NGANG TRÊN</b></p>  <p><math>T</math> 0.65 mm</p>
<p><b>5055</b></p>  <p>Quy cách bó: 10 cây/ bó</p>	<p><b>CÁNH NGANG DƯỚI</b></p>  <p><math>T</math> 0.65 mm</p>	<p><b>5056</b></p>  <p>Quy cách bó: 12 cây/ bó</p>	<p><b>CÁNH ĐỨNG MÓC</b></p>  <p><math>T</math> 0.65 mm</p>
<p><b>5057</b></p>  <p>Quy cách bó: 10 cây/ bó</p>	<p><b>CÁNH ĐỨNG TRƠN</b></p>  <p><math>T</math> 0.65 mm</p>	<p><b>5058</b></p>  <p>Quy cách bó: 10 cây/ bó</p>	<p><b>NỐI Ô CỐ ĐỊNH</b></p>  <p><math>T</math> 0.80 mm</p>

**7109 KHUNG BAO CÓ LỖ VÍT**

Quy cách bó: 8 cây/ bó

T  
0.70 mm

**7005B ĐỐ GIỮA**

Quy cách bó: 3 cây/ bó

T  
0.75 mm

**7011 ĐỐ GIỮA**

Quy cách bó: 3 cây/ bó

T  
0.65 mm

**7012 ĐỐ ĐỨNG**

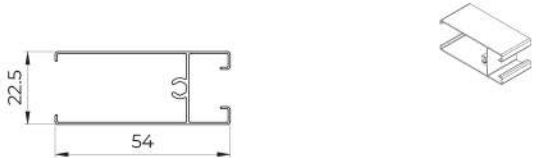
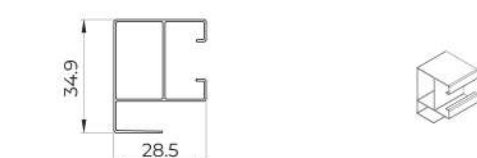
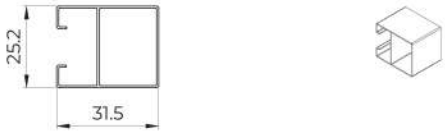
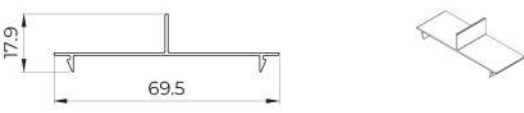
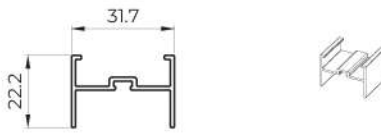

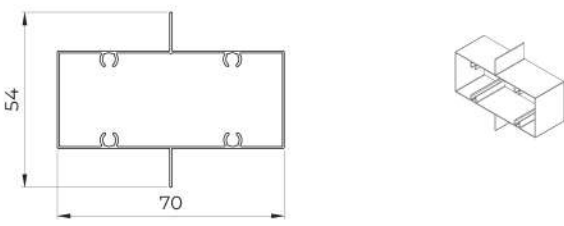
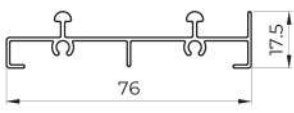
Quy cách bó: 3 cây/ bó

T  
0.75 mm

**7019 KHUNG BAO HỖ**

Quy cách bó: 4 cây/ bó

T  
0.75 mm

<p><b>5055</b></p> <p><b>CÁNH NGANG DƯỚI</b></p>  <p>Quy cách bó : 10 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.65 mm</p>	<p><b>5056</b></p> <p><b>CÁNH ĐỨNG MÓC</b></p>  <p>Quy cách bó : 12 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.65 mm</p>
<p><b>5057</b></p> <p><b>CÁNH ĐỨNG TRƠN</b></p>  <p>Quy cách bó : 10 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.65 mm</p>	<p><b>5058</b></p> <p><b>NỐI Ô CỐ ĐỊNH</b></p>  <p>Quy cách bó : 10 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.80 mm</p>
<p><b>5126</b></p> <p><b>TRUNG GIAN 4 CÁNH</b></p>  <p>Quy cách bó : 10 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.75 mm</p>	<p><b>2412</b></p> <p><b>TRUNG GIAN 4 CÁNH</b></p>  <p>Quy cách bó : 10 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 1.00 mm</p>
<p><b>7005</b></p> <p><b>ĐỖ GIỮA</b></p>  <p>Quy cách bó : 3 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.55 mm</p>	<p><b>2401</b></p> <p><b>MÁNG DƯỚI</b></p>  <p>Quy cách bó : 8 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 1.00 mm</p>

# HỆ DT1000 & DT1000T



## ĐẶC TÍNH NỔI BẬT

- Được thiết kế kết hợp thẩm mỹ của người Á Đông và sự hiện đại, sang trọng của Châu Âu, mang đến cảm giác cứng cáp nhưng vẫn tinh tế, sang trọng.
- Bộ khung thân cửa vững chắc mang đến cho cửa khả năng chịu lực tốt.
- Độ bền cao không bị rỉ sét, tuổi thọ khá tốt.
- Đa dạng màu sắc phù hợp với sở thích và phong cách kiến trúc.
- Áp dụng: Cửa đi mở quay và vách ngăn.

## TÍNH NĂNG

- Kín khí:
- Kín nước:
- Áp lực gió:

### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Kích thước cánh tối đa	W 1.2 m x H 2.5 m
Khối lượng cánh tối đa	90 kg/ cánh
Chiều sâu khung cánh	100 mm
Độ dày Profile	0.9 - 1.2 mm
Rãnh lắp kính	11 mm
Ghép góc	45/90 độ

MÀU SẮC



Xám (XT)



Nâu Nhám (NN)



Trắng Bóng (TB)



Trắng Sữa (TS)



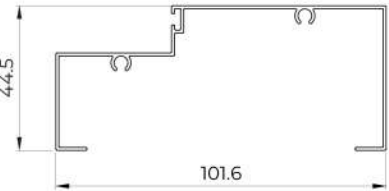
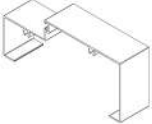
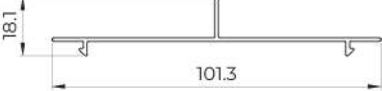


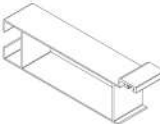

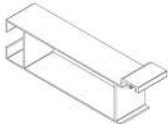
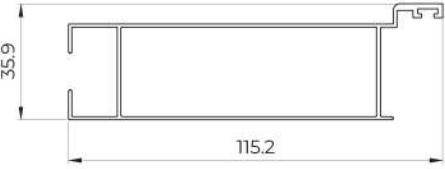
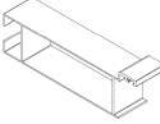
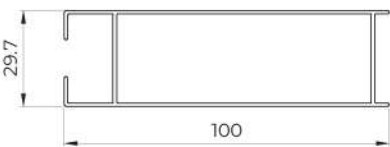

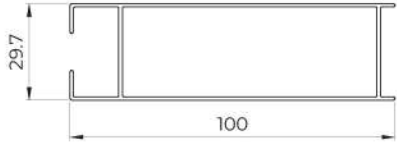
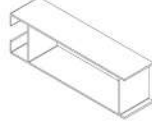
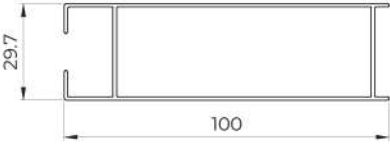
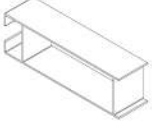
Gỗ 2D  
Gỗ Anh Đào Đỏ (96)



Gỗ 2D  
Gỗ Sưa Vàng (20)



# CỬA ĐI MỞ QUAY

<p><b>VH052</b></p>  <p>Quy cách bó: 4 cây/ bó</p>	<p><b>KHUNG BAO</b></p>  <p>T 0.90 mm</p>	<p><b>VH076</b></p>  <p>Quy cách bó: 6 cây/ bó</p>	<p><b>NẮP KHUNG BAO</b></p>  <p>T 1.10 mm</p>
<p><b>1104</b></p>  <p>Quy cách bó: 3 cây/ bó</p>	<p><b>CÁNH ĐỨNG MÓC</b></p>  <p>T 1.00 mm</p>	<p><b>1104-4.4</b></p>  <p>Quy cách bó: 3 cây/ bó</p>	<p><b>CÁNH ĐỨNG MÓC 4M4</b></p>  <p>T 1.00 mm</p>
<p><b>1104-4.8</b></p>  <p>Quy cách bó: 3 cây/ bó</p>	<p><b>CÁNH ĐỨNG MÓC 4M8</b></p>  <p>T 1.00 mm</p>	<p><b>1105</b></p>  <p>Quy cách bó: 3 cây/ bó</p>	<p><b>CÁNH TRƠN</b></p>  <p>T 1.00 mm</p>
<p><b>1105-4.4</b></p>  <p>Quy cách bó: 3 cây/ bó</p>	<p><b>CÁNH TRƠN 4M4</b></p>  <p>T 1.00 mm</p>	<p><b>1105-4.8</b></p>  <p>Quy cách bó: 3 cây/ bó</p>	<p><b>CÁNH TRƠN 4M8</b></p>  <p>T 1.00 mm</p>

# VÁCH NGĂN

**1102** **ĐỔ GIỮA**

Quy cách bó: 2 cây/ bó

T  
0.95 mm

**1103** **KHUNG BAO**

Quy cách bó: 2 cây/ bó

T  
0.95 mm




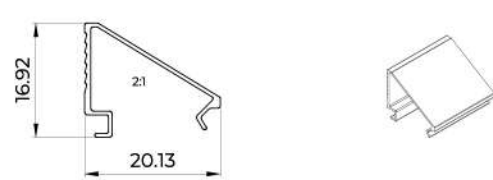
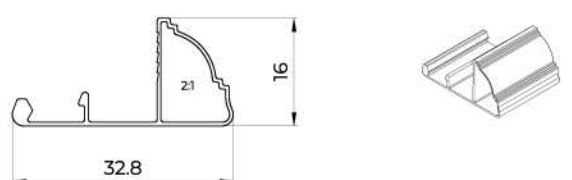

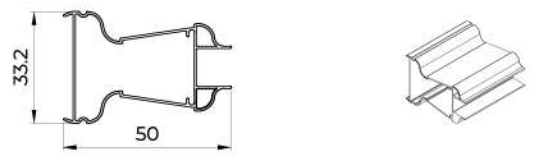
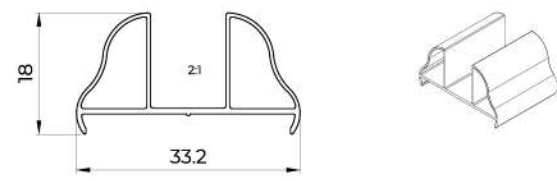
**1113** **KHUNG BAO HỖ**

Quy cách bó: 2 cây/ bó

T  
1.00 mm



# ĐỀ NỆP

<p><b>9841</b> <b>ĐỀ 5mm</b></p>  <p>Quy cách bó: 30 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.60 mm</p>	<p><b>9842</b> <b>NỆP 5mm</b></p>  <p>Quy cách bó: 30 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.55 mm</p>
<p><b>2227</b> <b>ĐỀ 10mm</b></p>  <p>Quy cách bó: 20 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.55 mm</p>	<p><b>2228</b> <b>NỆP 10mm</b></p>  <p>Quy cách bó: 30 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.65 mm</p>
<p><b>2235</b> <b>ĐỀ BẦU</b></p>  <p>Quy cách bó: 20 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.50 mm</p>	<p><b>2236</b> <b>NỆP BẦU</b></p>  <p>Quy cách bó: 30 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.50 mm</p>
<p><b>7647</b> <b>NỆP LỚN</b></p>  <p>Quy cách bó: 6 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.70 mm</p>	<p><b>7648</b> <b>NỆP BẦU NHỎ</b></p>  <p>Quy cách bó: 16 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.55 mm</p>

# TỦ TRƯNG BÀY TRUYỀN THỐNG



## ĐẶC TÍNH NỔI BẬT

- Linh hoạt trong ứng dụng sản phẩm, có thể lắp ráp thành nhiều kiểu dáng khác nhau: Tủ bếp, quần áo, tủ trang trí, quầy kệ, tủ thuốc, quầy thuốc, ...
- Khả năng chống nước, chống ẩm mốc tuyệt đối.
- Nhẹ và bền bỉ theo thời gian.
- Dễ dàng vận chuyển, bảo dưỡng theo thời gian.
- Hợp kim: 6063 - T5.
- Rãnh kính: 5 - 6 mm.
- Cắt ghép 90 độ

MÀU SẮC



Xám (XT)



Nâu Nhám (NN)



Trắng Sữa (TS)



Trắng Bóng (TB)



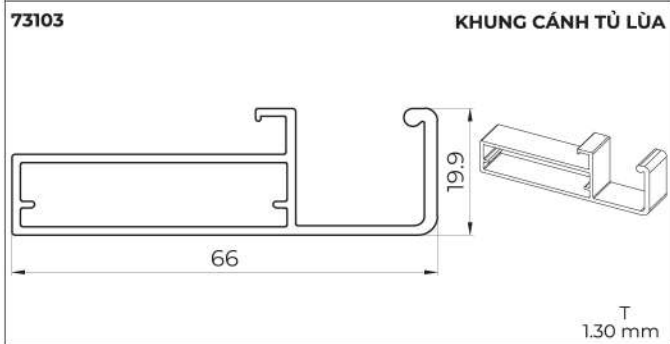
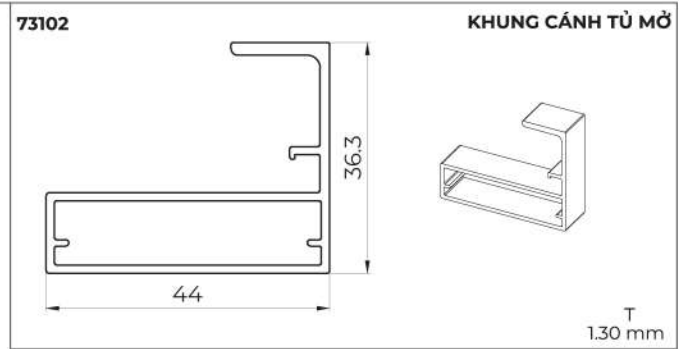
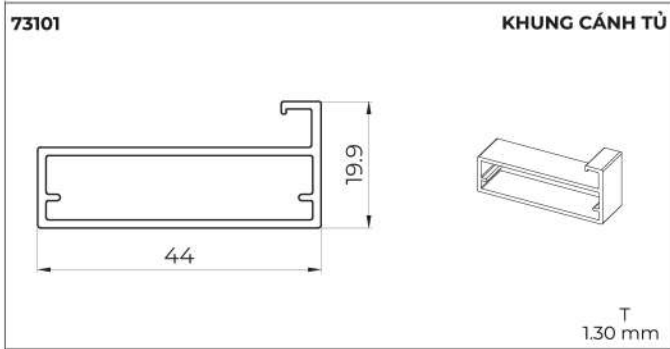
Gỗ 2D  
Gỗ Anh Đào Đỏ (96)



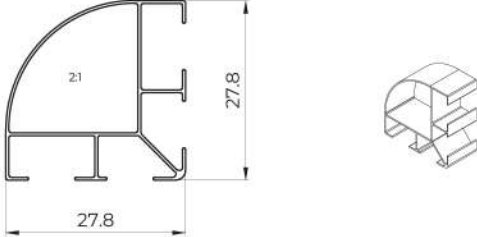
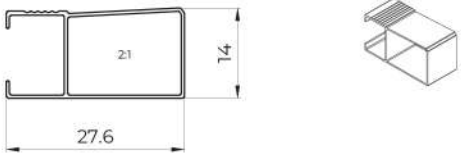
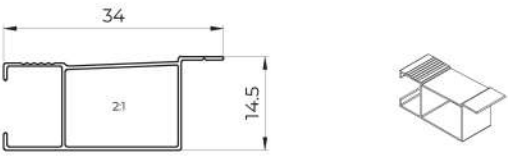
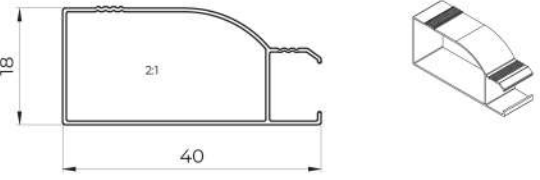
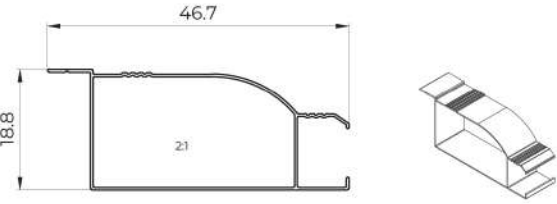
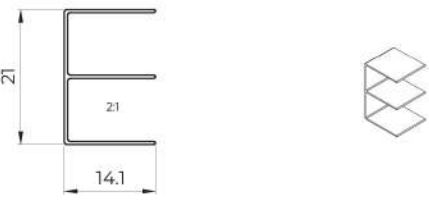
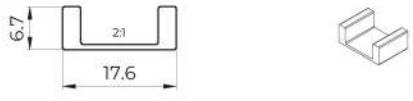

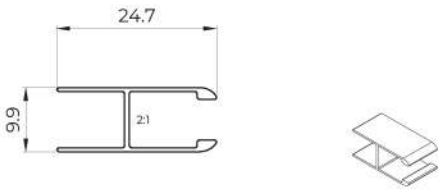
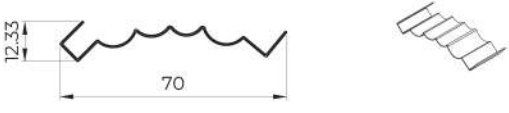
Gỗ 2D  
Gỗ Sữa Vàng (20)



# KHUNG CÁNH TỦ



# NHÔM TỬ

<p><b>9759</b></p>  <p>Quy cách bó: 8 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.45 mm</p>	<p><b>9753</b></p>  <p>Quy cách bó: 20 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.50 mm</p>
<p><b>9754</b></p>  <p>Quy cách bó: 20 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.50 mm</p>	<p><b>6002T</b></p>  <p>Quy cách bó: 10 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.55 mm</p>
<p><b>6002P</b></p>  <p>Quy cách bó: 10 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.45 mm</p>	<p><b>9742</b></p>  <p>Quy cách bó: 40 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.55 mm</p>
<p><b>9743</b></p>  <p>Quy cách bó: 20 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.85 mm</p>	<p><b>9743B</b></p>  <p>Quy cách bó: 20 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.90 mm</p>
<p><b>9745</b></p>  <p>Quy cách bó: 20 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.60 mm</p>	<p><b>6003</b></p>  <p>Quy cách bó: 10 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.50 mm</p>

# HỆ NHÔM TRANG TRÍ

---



## ĐẶC TÍNH NỔI BẬT

---

- Ứng dụng đa dạng các lĩnh vực từ trang trí, vách dựng, lam che, ...
- Đa dạng chủng loại và kích thước, độ dày.
- Dễ sản xuất lắp đặt và mang lại hiệu quả cao cho người sử dụng.
- Đa dạng màu sắc hợp xu hướng.



MÀU SẮC



Đen (PD1)



Trắng sữa (TS)



Trắng XF (PTX)



Xám (XT)



Xám XF (PXX)



Nâu nhám (NN)



Nâu XF (PNX)



Xám Ánh Kim (M01)



Nâu Ánh Kim (M02)



Gỗ Anh Đào Đỏ (96)



Gỗ Sưa Vàng (20)



Gỗ Sồi Vàng (30)



Gỗ Linh Sam Xám (G01)



Gỗ Linh Sam Nâu (G02)



Gỗ Teak Nâu (W02)



Gỗ Tần Bì (W03)

# LÁ LAMRI

**4221** **LÁ SÓNG**

Quy cách bó: 10 cây/ bó

T  
0.55 mm

**4332** **LÁ 3 GÂN**

Quy cách bó: 5 cây/ bó

T  
0.50 mm

**4332M** **LÁ 4 GÂN MỎNG**

Quy cách bó: 10 cây/ bó

T  
0.36 mm

**4332G** **LÁ 4 GÂN DÀY**

Quy cách bó: 10 cây/ bó

T  
0.42 mm


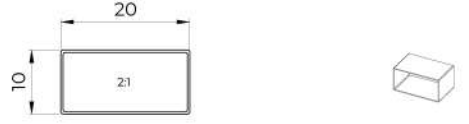

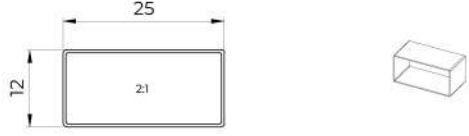
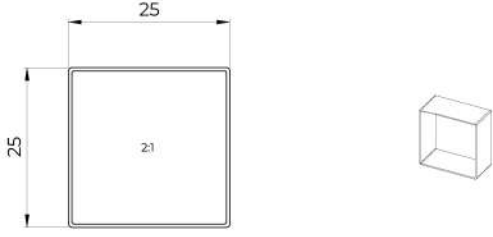
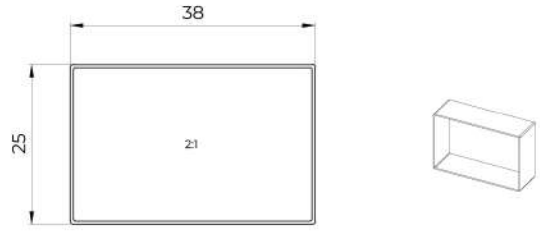
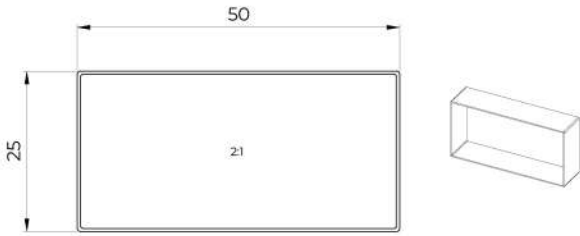
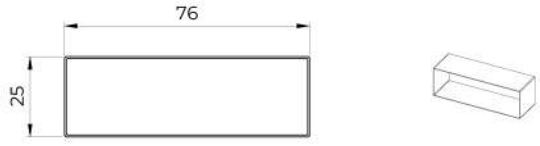
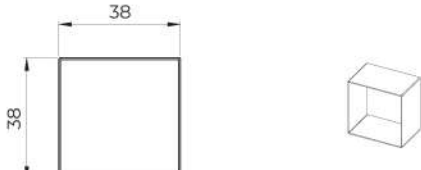

**TPIG** **LÁ HỘP PHẪNG**

Quy cách bó: 10 cây/ bó

T  
0.42 mm

Danh mục mặt cắt

# NHÔM ỐNG

<p><b>1015</b> <b>HỘP 10 x 15</b></p>  <p>Quy cách bó: 30 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.60 mm</p>	<p><b>1020</b> <b>HỘP 10 x 20</b></p>  <p>Quy cách bó: 30 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.45 mm</p>
<p><b>1220</b> <b>HỘP 12 x 20</b></p>  <p>Quy cách bó: 30 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.50 mm</p>	<p><b>1225</b> <b>HỘP 12 x 25</b></p>  <p>Quy cách bó: 30 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.50 mm</p>
<p><b>2525</b> <b>HỘP 25 x 25</b></p>  <p>Quy cách bó: 16 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.50 mm 1.20 mm</p>	<p><b>2538</b> <b>HỘP 25 x 38</b></p>  <p>Quy cách bó: 8 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.55 mm 1.20 mm</p>
<p><b>2550</b> <b>HỘP 25 x 50</b></p>  <p>Quy cách bó: 8 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.50 mm 1.50 mm 2.50 mm</p>	<p><b>2576</b> <b>HỘP 25 x 76</b></p>  <p>Quy cách bó: 5 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.60 mm</p>
<p><b>3838</b> <b>HỘP 38 x 38</b></p>  <p>Quy cách bó: 6 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.55 mm 1.00 mm</p>	<p><b>3050</b> <b>HỘP 30 x 50</b></p>  <p>Quy cách bó: 8 cây/ bó</p> <p style="text-align: right;">T 0.60 mm</p>

Danh mục mặt cắt

# NHÔM ỐNG

**3876** **HỘP 38 x 76**

Quy cách bó: 3 cây/ bó

T  
0.60 mm  
1.00 mm

**4476** **HỘP 44 x 76**

Quy cách bó: 3 cây/ bó

T  
0.65 mm

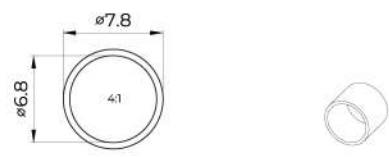
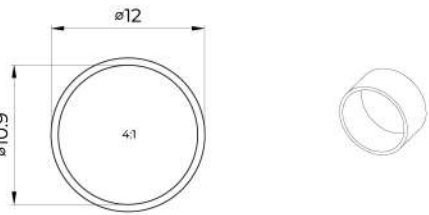
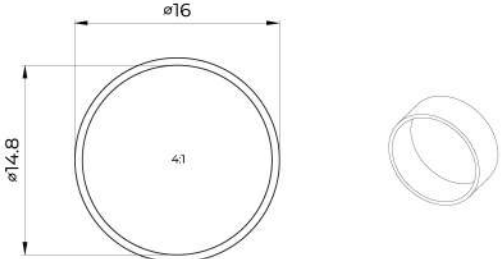
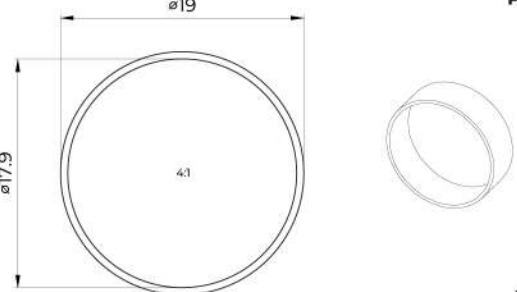
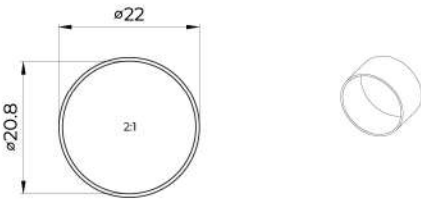
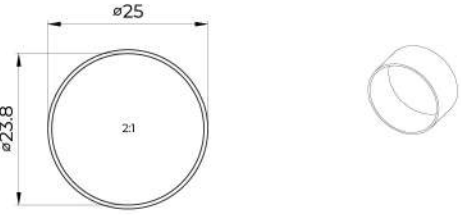
**44100** **HỘP 44 x 100**

Quy cách bó: 3 cây/ bó







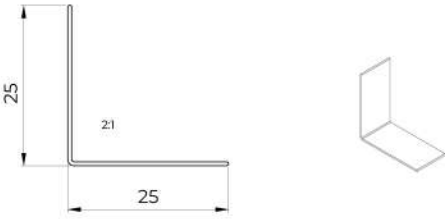
T  
0.85 mm

Danh mục mặt cắt

# NHÔM ỐNG

<p><b>P8</b></p>  <p>Quy cách bó: 50 cây/ bó</p>	<p><b>PHI 8</b></p> <p>T 0.50 mm</p>	<p><b>P12</b></p>  <p>Quy cách bó: 50 cây/ bó</p>	<p><b>PHI 12</b></p> <p>T 0.55 mm</p>
<p><b>P16</b></p>  <p>Quy cách bó: 30 cây/ bó</p>	<p><b>PHI 16</b></p> <p>T 0.60 mm</p>	<p><b>P19</b></p>  <p>Quy cách bó: 20 cây/ bó</p>	<p><b>PHI 19</b></p> <p>T 0.55 mm</p>
<p><b>P22</b></p>  <p>Quy cách bó: 15 cây/ bó</p>	<p><b>PHI 22</b></p> <p>T 0.60 mm</p>	<p><b>P25</b></p>  <p>Quy cách bó: 15 cây/ bó</p>	<p><b>PHI 25</b></p> <p>T 0.60 mm 1.30 mm</p>

# THANH U - V

<p><b>U7</b> <span style="float: right;"><b>U 7 x 12</b></span></p>  <p>Quy cách bó: 50 cây/ bó <span style="float: right;">T 0.60 mm</span></p>	<p><b>U10</b> <span style="float: right;"><b>U 10 x 10</b></span></p>  <p>Quy cách bó: 50 cây/ bó <span style="float: right;">T 0.55 mm</span></p>
<p><b>U12</b> <span style="float: right;"><b>U 12 x 12</b></span></p>  <p>Quy cách bó: 50 cây/ bó <span style="float: right;">T 0.55 mm</span></p>	<p><b>V10</b> <span style="float: right;"><b>V 10 x 10</b></span></p>  <p>Quy cách bó: 50 cây/ bó <span style="float: right;">T 0.50 mm</span></p>
<p><b>V12</b> <span style="float: right;"><b>V 12 x 12</b></span></p>  <p>Quy cách bó: 50 cây/ bó <span style="float: right;">T 0.60 mm</span></p>	<p><b>V20</b> <span style="float: right;"><b>V 20 x 20</b></span></p>  <p>Quy cách bó: 50 cây/ bó <span style="float: right;">T 0.60 mm</span></p>
<p><b>V25</b> <span style="float: right;"><b>V 25 x 25</b></span></p>  <p>Quy cách bó: 50 cây/ bó <span style="float: right;">T 0.60 mm</span></p>	



# HỆ CHẮN SONG



Chấn song nhôm Đại Tân được làm từ nhôm cao cấp mang đến sự an toàn từ bên trong lẫn bên ngoài. Sản phẩm được thiết kế với tỉ lệ kích thước hài hòa và phù hợp với đa dạng mẫu mã cửa.

## ĐẶC TÍNH NỔI BẬT

- Tiết kiệm chi phí nhờ tận dụng khung bao hoặc thanh ngang để ứng dụng cho thanh đứng.
- Mặt cắt có kết cấu vát và trơn giúp khách hàng dễ dàng vệ sinh.
- Sự chắc chắn và cứng cáp đến từ kích thước khung bao và độ dày lớn giúp khung chấn song chịu được lực đập của búa, chống cắt và chống xâm nhập.
- Sử dụng 1 loại PAD nhưng có thể thực hiện được đa dạng sự lựa chọn lắp ghép: khung – thanh, thanh – thanh.

## TÍNH NĂNG THAM KHẢO

(\*) Thông số mang tính chất tham khảo từ lý thuyết

THÔNG SỐ KỸ THUẬT	
Kích thước song khung	20x30 mm
Kích thước song ngang	20x25 mm
Độ dày Profile	1.4 mm - 1.7 mm
Bán kính song tròn	20 mm

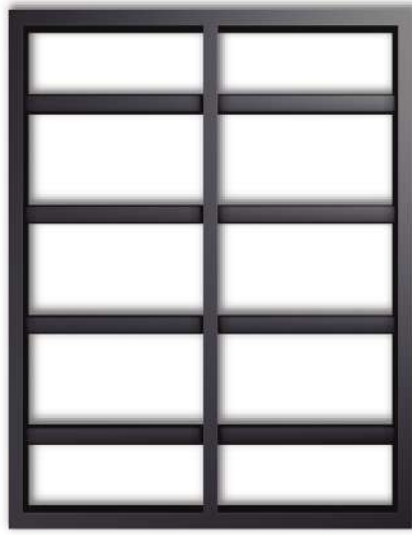
\*Khoảng cách song ngang an toàn: 100mm – 150mm

MÀU SẮC

---



Trắng (PTX)

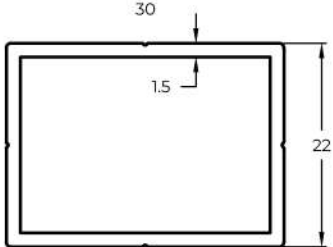
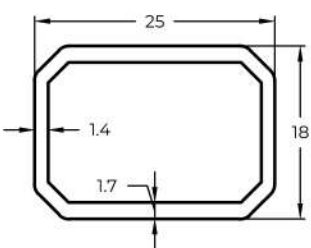
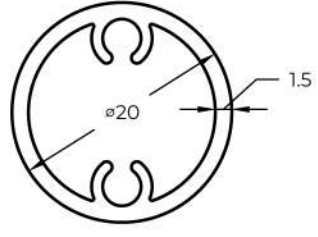
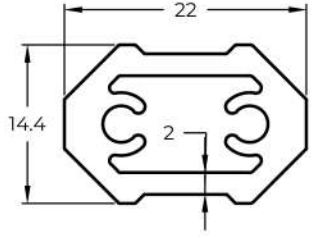


Xám (PXX)



Nâu (PNX)



<p><b>S3022</b> <b>KHUNG BAO CHẮN SONG</b></p>  <p>Quy cách bó: 10 cây/ bó</p> <p>T: 1.5 mm    W: 0.396 Kg/m</p>	<p><b>S2518</b> <b>SONG VÁT CẠNH</b></p>  <p>Quy cách bó: 10 cây/ bó</p> <p>T: 1.7 mm    W: 0.315 Kg/m</p>
<p><b>SP200</b> <b>THANH SONG PHI 20</b></p>  <p>Quy cách bó: 20 cây/ bó</p> <p>T: 1.5 mm    W: 0.282 Kg/m</p>	<p><b>S2112</b> <b>PAT SONG VÁT CẠNH</b></p>  <p>Quy cách bó: 10 cây/ bó</p> <p>T: 2 mm    W: 0.402 Kg/m</p>

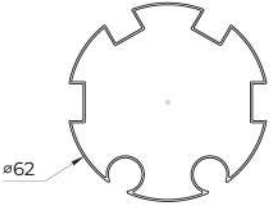

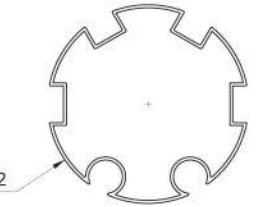

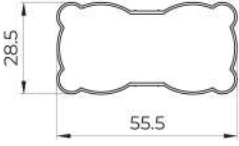

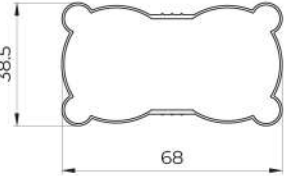

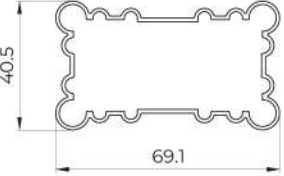

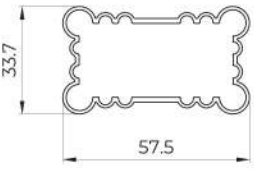

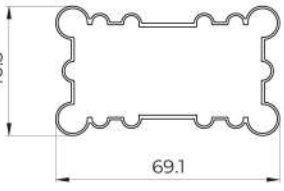

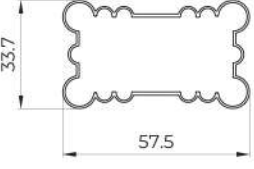



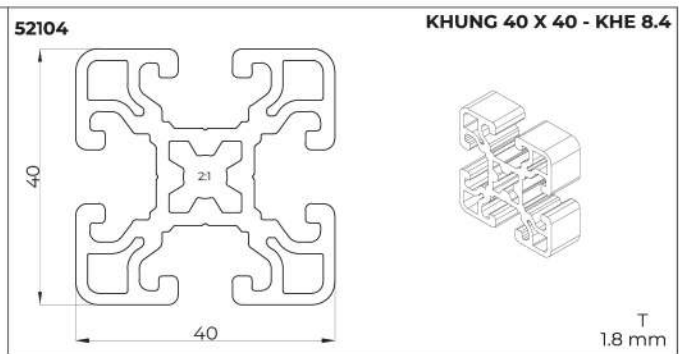
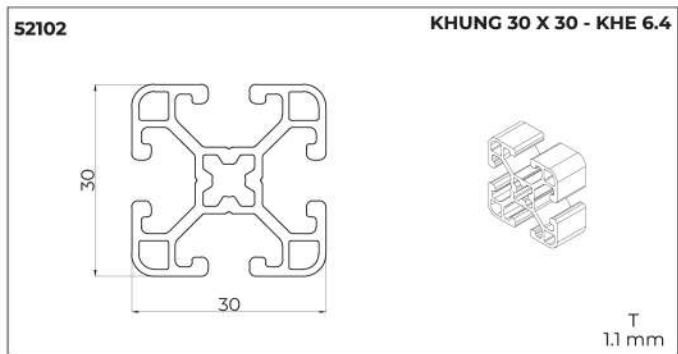
# MÁI HIÊN DI ĐỘNG



## ĐẶC TÍNH NỔI BẬT

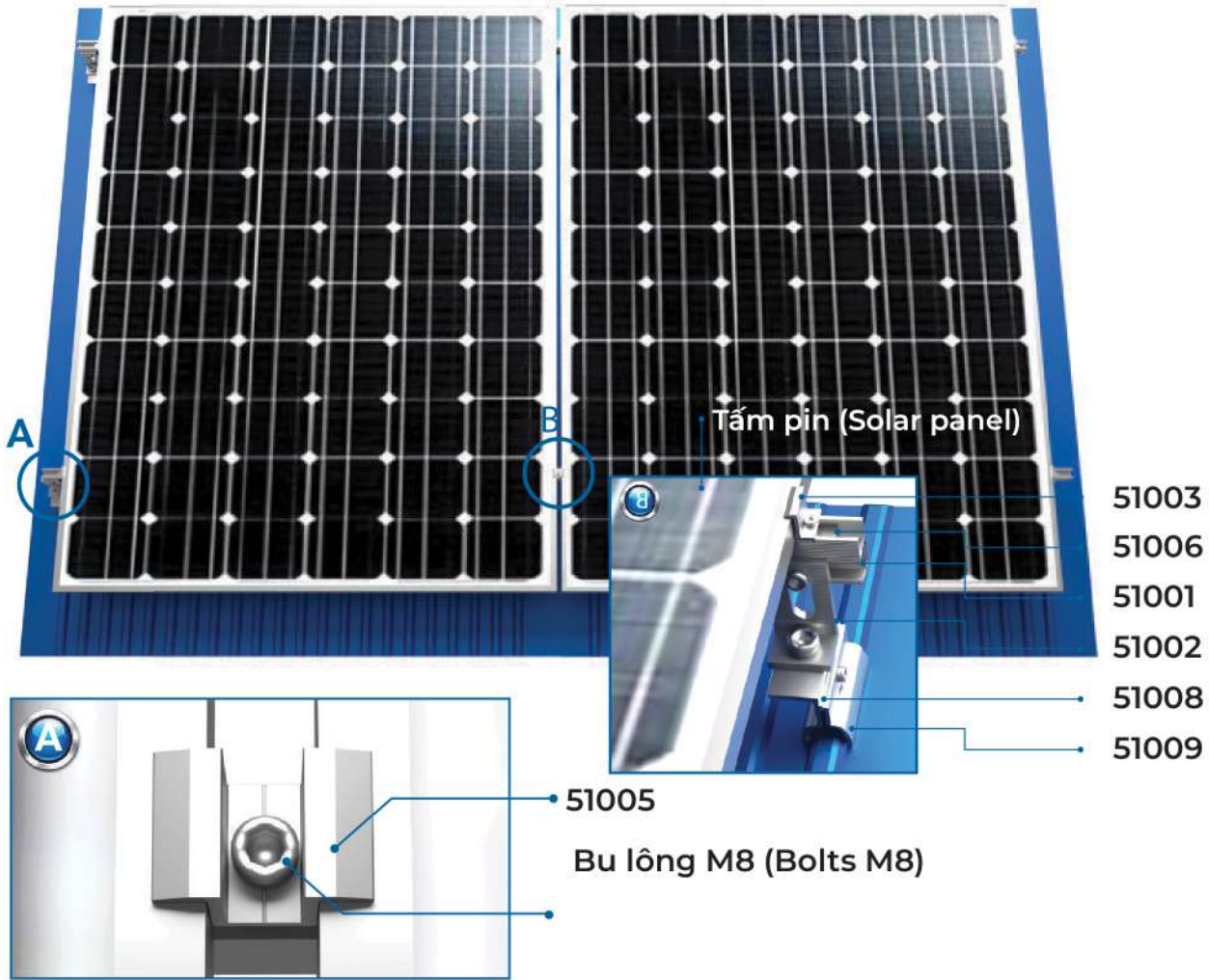
- Linh hoạt trong cách sử dụng, có thể thu vào hoặc quay mái che ra trong. việc che nắng, che mưa.
- Khung nhôm có độ bền cao, có thể sử dụng trên 20 năm hoặc lâu hơn nếu bảo quản tốt.
- Không chiếm nhiều không gian ngoài trời.
- Lắp đặt nhanh chóng và dễ dàng.
- Đa dạng kích thước và độ dày của khung nhôm theo nhu cầu sử dụng.
- Độ dày: 0.6 - 0.9 - 1.0 mm

<p><b>34101</b></p>  <p>ø62</p> <p><b>KHUNG MÁI HIÊN</b></p>  <p>T 0.60 mm</p>	<p><b>34102</b></p>  <p>ø62</p> <p><b>KHUNG MÁI HIÊN</b></p>  <p>T 0.90 mm</p>
<p><b>34103</b></p>  <p>28.5 55.5</p> <p><b>TAY ĐỖ 1</b></p>  <p>T 0.65 mm</p>	<p><b>34104</b></p>  <p>38.5 68</p> <p><b>TAY ĐỖ 2</b></p>  <p>T 0.75 mm</p>
<p><b>34105</b></p>  <p>40.5 69.1</p> <p><b>TAY ĐỖ 3</b></p>  <p>T 1.10 mm</p>	<p><b>52108</b></p>  <p>33.7 57.5</p> <p><b>TAY ĐỖ 4</b></p>  <p>T 1.00 mm</p>
<p><b>34107</b></p>  <p>40.5 69.1</p> <p><b>TAY ĐỖ 3</b></p>  <p>T 0.75 mm</p>	<p><b>34108</b></p>  <p>33.7 57.5</p> <p><b>TAY ĐỖ 4</b></p>  <p>T 0.65 mm</p>





# KHUNG NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

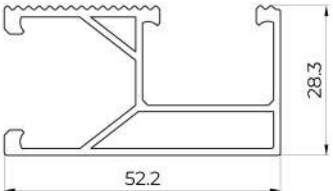
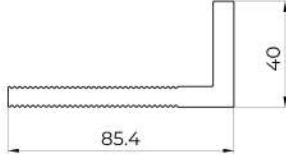
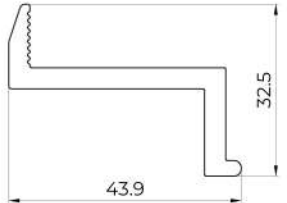
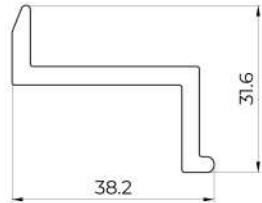
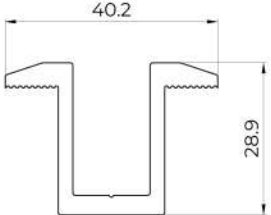
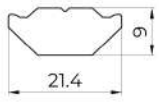
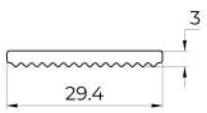
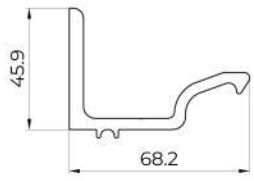
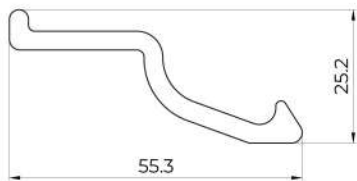


## ĐẶC TÍNH NỔI BẬT





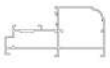












- Thiết kế của hệ khung có khả năng chịu đựng sức gió lớn, đảm bảo kết cấu vững chắc.
- Tải trọng nhẹ lắp đặt được nhiều vị trí.
- Thiết kế đơn giản dễ dàng cho quá trình lắp ráp.
- Sử dụng năng lượng mặt trời giúp tiết kiệm chi phí điện năng và góp phần bảo vệ môi trường.
- Giá thành hợp lý.

## THÔNG SỐ KỸ THUẬT

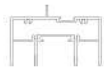










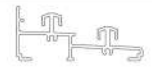
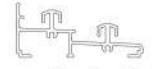




Kích thước ray nhôm	2.1 m x 4.2 m
Kích thước chân đỡ chữ L	40x85x6 mm
Độ dày Profile	1.3 mm






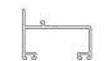







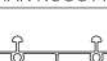



<p><b>51001</b></p> <p><b>THANH RAIL 2</b></p>  <p style="text-align: right;">T 1.30 mm</p>	<p><b>51002</b></p> <p><b>CHÂN L</b></p>  <p style="text-align: right;">T 7.83 mm</p>
<p><b>51003</b></p> <p><b>KẸP CUỐI 1</b></p>  <p style="text-align: right;">T 4.00 mm</p>	<p><b>51004</b></p> <p><b>KẸP CUỐI 2</b></p>  <p style="text-align: right;">T 3.51 mm</p>
<p><b>51005</b></p> <p><b>KẸP GIỮA 1</b></p>  <p style="text-align: right;">T 2.75 mm</p>	<p><b>51006</b></p> <p><b>NÚT 1</b></p>  <p style="text-align: right;">T 9.0 mm</p>
<p><b>51007</b></p> <p><b>THANH NỐI RAIL</b></p>  <p style="text-align: right;">T 3.00 mm</p>	<p><b>51008</b></p> <p><b>KẸP TỖN 1</b></p>  <p style="text-align: right;">T 4.20 mm</p>
<p><b>51009</b></p> <p><b>KẸP TỖN 2</b></p>  <p style="text-align: right;">T 3.60 mm</p>	


















# DANH MỤC MẶT CẮT

MÃ SỐ	MẶT CẮT & TÊN GỌI
10100	 NỆP CỐ ĐỊNH 10MM
10150	 HỘP 10X15
10200	 HỘP 10X20
10400	 NỆP CHE KHUNG BAO
10500	 KHUNG BAO
11020	 NGANG GIỮA
1102T	 NGANG GIỮA
11030	 ĐỨNG HÔNG
1103T	 ĐỨNG HÔNG
11040	 CÁNH ĐỨNG MÓC
1104T	 CÁNH MÓC
11050	 CÁNH TRƠN
1105T	 CÁNH TRƠN
11130	 ĐỨNG HỖ
1113T	 ĐỨNG HỖ
12200	 HỘP 12 X 20
12250	 HỘP 12 X 25














MÃ SỐ	MẶT CẮT & TÊN GỌI
12500	 KHUNG BAO NỔI
12830	 KHUNG LÁ SÁCH
15410	 KHUNG BAO NGANG TRÊN
15410	 KHUNG BAO NGANG TRÊN
15430	 KHUNG BAO ĐỨNG
15430	 KHUNG BAO ĐỨNG
15440	 KHUNG CÁNH NGANG TRÊN
15440	 KHUNG CÁNH NGANG TRÊN
15450	 KHUNG CÁNH NGANG DƯỚI NHỎ
15450	 KHUNG CÁNH NGANG DƯỚI NHỎ
15460	 KHUNG CÁNH ĐỨNG
15460	 KHUNG CÁNH ĐỨNG
15470	 KHUNG CÁNH ĐỨNG MÓC
15470	 KHUNG CÁNH MÓC
15480	 NỆP ĐỐI ĐẦU 4 CÁNH
15490	 ỚP KHUNG VÁCH KÍNH ĐỨNG
15490	 ỚP KHUNG VÁCH KÍNH ĐỨNG

MÃ SỐ	MẶT CẮT & TÊN GỌI
15510	 TRUNG GIAN TRÊN
15510	 TRUNG GIAN TRÊN
15550	 KHUNG CÁNH NGANG DƯỚI LỚN
15550	 KHUNG CÁNH NGANG DƯỚI LỚN
15590	 KHUNG BAO NGANG VÁCH KÍNH
15590	 KHUNG BAO NGANG VÁCH KÍNH
15780	 NỔI VÁCH KÍNH NGANG
15780	 NỔI VÁCH KÍNH NGANG
17182	 RAY DƯỚI CỬA ĐI LỬA
17182	 KHUNG BAO NGANG DƯỚI CỬA LỬA
19200	 LÁ SÁCH
19420	 RAY DƯỚI CỬA SỐ LỬA
19420	 RAY DƯỚI CỬA SỐ LỬA
20200	 HỘP 20 X 20
20400	 HỘP 20 X 40
22270	 ĐÉ 10 LY
22280	 NỆP 10 LY










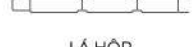







MÃ SỐ	MẶT CẮT & TÊN GỌI
22350	 ĐẾ BẦU
22360	 NẾP BẦU
22900	 ỐP CHÂN CÁNH CỬA ĐI
22903	 ĐỒ ĐỘNG CỬA ĐI, CỬA SỔ 1.2 mm
22903	 ĐỒ ĐỘNG CỬA ĐI, CỬA SỔ 1.4 mm
2290N	 ỐP CHÂN CÁNH CỬA ĐI
23151	 KHUNG BAO 1.2 mm
23151	 KHUNG BAO 1.4 mm
23156	 CÁNH CỬA MỞ TRƯỢT 1.2 mm
23156	 CÁNH CỬA MỞ TRƯỢT 1.4 mm
23157	 THANH ỐP MÓC
23158	 TRUNG GIAN 4 CÁNH
23159	 CHẶN NƯỚC MƯA
24010	 MÁNG DƯỚI
24050	 KHUNG BAO 2 CÁNH
24070	 CÁNH MÓC
24090	 MÁNG TRÊN


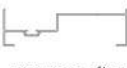





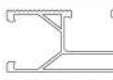









MÃ SỐ	MẶT CẮT & TÊN GỌI
24120	 TRUNG GIAN
24130	 MÁNG DƯỚI
25100	 HỘP 25 X 100
25250	 HỘP 25X25 0.5 mm
25250	 HỘP 25 X 25 1.2 mm
25380	 HỘP 25 X 38 0.55 mm
25380	 HỘP 25 X 38 1.2 mm
25500	 HỘP 25 X 50 0.5 mm
25500	 HỘP 25 X 50 1.5 mm
25500	 HỘP 25 X 50 2.5 mm
25760	 HỘP 25 X 76
26180	 MÁNG DƯỚI 1.2 mm
26180	 ĐỒ CỐ ĐỊNH VÁCH KÍNH 2.0 mm
30300	 HỘP 30 X 30
30330	 ĐỒ ĐỘNG CỬA SỔ
30500	 HỘP 30 X 50
30600	 HỘP 30 X 60


MÃ SỐ	MẶT CẮT & TÊN GỌI
32030	 ĐỒ CỐ ĐỊNH CỬA SỔ 1.2 mm
32030	 ĐỒ CỐ ĐỊNH CỬA SỔ 1.4 mm
32080	 KHUNG BAO CHUYỂN HƯỚNG 1.2 mm
32080	 KHUNG BAO CHUYỂN HƯỚNG 1.4 mm
32090	 KHUNG BAO CỐ ĐỊNH CỬA SỔ 1.2 mm
32090	 KHUNG BAO CỐ ĐỊNH CỬA SỔ 1.4 mm
3209A	 KHUNG CỐ ĐỊNH CỬA ĐI 1.2 mm
3209A	 KHUNG CỐ ĐỊNH CỬA ĐI 1.4 mm
32110	 KHUNG BAO NGANG TRÊN 3 RAY 1.2 mm
32110	 KHUNG BAO NGANG TRÊN 3 RAY 2.0 mm
32120	 KHUNG BAO NGANG DƯỚI 3 RAY 1.2 mm
32120	 KHUNG BAO NGANG DƯỚI 3 RAY 2.0 mm
32130	 KHUNG BAO ĐỨNG 3 RAY 1.2 mm
32130	 KHUNG BAO ĐỨNG 3 RAY 2.0 mm
32860	 NẾP KÍNH 27MM
32950	 NẾP KÍNH 14MM
32960	 NẾP KÍNH 13MM


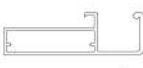



MÃ SỐ	MẶT CẮT & TÊN GỌI
33000	 NỐI KHUNG VÁCH KÍNH 12 mm
33030	 KHUNG CÁCH CỬA ĐI MỞ NGOÀI 14 mm
33030	 KHUNG CÁCH CỬA ĐI MỞ NGOÀI 20 mm
33030	 KHUNG CÁCH CỬA ĐI MỞ NGOÀI 12 mm
33040	 KHUNG CÁCH CỬA ĐI NGANG DƯỚI 14 mm
33040	 KHUNG CÁCH CỬA ĐI NGANG DƯỚI 20 mm
33040	 KHUNG CÁCH CỬA ĐI NGANG DƯỚI
33100	 NỐI KHUNG VÁCH KÍNH
33130	 ĐỒ CỐ ĐỊNH CHIA CÁCH CỬA SỔ 14 mm
33130	 ĐỒ CỐ ĐỊNH CHIA CÁCH CỬA SỔ
33180	 KHUNG BAO CỬA SỔ 12 mm
33180	 KHUNG BAO CỬA SỔ 14 mm
33230	 ĐỒ ĐỘNG CỬA ĐI 16 mm
33230	 ĐỒ ĐỘNG CỬA ĐI 20 mm
33260	 NỐI KHUNG 90 ĐỘ 20 mm
33260	 NỐI KHUNG 90 ĐỘ 22 mm
33280	 KHUNG BAO CỬA ĐI 12 mm


MÃ SỐ	MẶT CẮT & TÊN GỌI
33280	 KHUNG BAO CỬA ĐI 14 mm
33280	 KHUNG BAO CỬA ĐI 20 mm
33290	 ỐP CHÂN CÁCH CỬA ĐI 13 mm
33290	 ỐP CHÂN CÁCH CỬA ĐI 15 mm
33320	 KHUNG CÁCH CỬA ĐI MỞ TRONG 12 mm
33320	 KHUNG CÁCH CỬA ĐI MỞ TRONG 14 mm
33320	 KHUNG CÁCH CỬA ĐI MỞ TRONG 20 mm
34101	 KHUNG MÁI HIỀN
34102	 KHUNG MÁI HIỀN
34103	 TAY ĐỖ 1 DÂY 0.65
34104	 TAY ĐỖ 2 DÂY 0.75
34105	 TAY ĐỖ 3 DÂY 1.1
34106	 TAY ĐỖ 4 DÂY 1.0
34107	 TAY ĐỖ 3 DÂY 0.75
34108	 TAY ĐỖ 4 DÂY 0.65
38019	 KHUNG BAO CỬA ĐI 100
38039	 KHUNG CỐ ĐỊNH 100


















MÃ SỐ	MẶT CẮT & TÊN GỌI
38380	 HỘP 38 X 38 0.55 mm
38380	 HỘP 38 X 38 10 mm
38760	 HỘP 38 X 76 0.6 mm
38760	 HỘP 38 X 76 10 mm
40400	 HỘP 40 X 40
40800	 HỘP 40 X 80
42210	 LÁ SÓNG
42230	 LÁ PHẪNG
43320	 LÁ HỘP
4332G	 LÁ HỘP
44100	 HỘP 44X100
44760	 HỘP 44 X 76
45900	 TRUYỀN KHÓA ĐA ĐIỂM
50078T	 THANH TRUNG GIAN
50500	 HỘP 50 X 50 12 mm
50500	 HỘP 50 X 50 2.0 mm
50510	 MĂNG TRÊN








MÃ SỐ	MẶT CẮT & TÊN GỌI
50520	 MĂNG DƯỚI
50530	 KHUNG ĐỨNG
50540	 NGANG TRÊN
50550	 NGANG DƯỚI
50560	 ĐỨNG MÓC
50570	 ĐỨNG TRÓN
50580	 GHÉP MĂNG
51001	 THANH RAIL 2
51002	 CHÂN L
51003	 KẸP CUỐI 1
51004	 KẸP CUỐI 2
51005	 KẸP GIỮA 1
51006	 NÚT 1
51007	 THANH RAIL
51008	 KẸP TÓN 1
51009	 KẸP TÓN 2
51260	 TRUNG GIAN

MÃ SỐ	MẶT CẮT & TÊN GỌI
52102	 KHUNG 30 X 30 KHE 6.4MM
52104	 KHUNG 40 X 40 KHE 8.2MM
52108	 KHUNG 30 X 30 KHE 8.2MM
54090	 KHUNG BAO NGANG DƯỚI ÂM NÉN
6002P	 C.TÙ ÁO GỖ
6002T	 CÁNH TÙ ÁO
60030	 LÁ ĐẦU TÙ
70020	 KHUNG ĐỨNG
70050	 NGANG GIỮA
7005B	 NGANG GIỮA
70060	 GHÉP GIỮA
70110	 ĐỨNG GIỮA
70120	 ĐỨNG HỘP
70190	 ĐỨNG HỖ
70510	 TRÊN DƯỚI
70520	 ĐỨNG TRÓN
70530	 ĐỨNG MÓC

MÃ SỐ	MẶT CẮT & TÊN GỌI
70540	 ĐỖ GIỮA
71090	 NGANG HỖ
73101	 KHUNG CÁNH TÙ
73102	 KHUNG CÁNH TÙ MỠ
73103	 KHUNG CÁNH TÙ LỬA
76470	 NẸP LỚN
76480	 NẸP BỂU NHỎ
76760	 HỘP 76 X 76
80920	 KHUNG CÁNH BẬT CỬA SỔ <small>12 mm</small>
80920	 KHUNG CÁNH BẬT CỬA SỔ <small>14 mm</small>
8092N	 KHUNG CÁNH BẬT CỬA SỔ
97420	 CÂY E
97430	 RẦY DƯỚI
9743B	 RẦY MỎNG
97450	 KẸP KIẾNG
97530	 CÁNH TRÓN
97540	 CÁNH MÓC

MÃ SỐ	MẶT CẮT & TÊN GỌI
97590	 BO 2 RÃNH
98410	 ĐẾ 5MM
98420	 NẾP 5MM
99130	 KHUNG BAO ĐỨNG
99140	 RAY DƯỚI 1 CÁNH
99150	 MĂNG TRÊN 1 CÁNH
99510	 NGANG DƯỚI
99520	 CÁNH TRƠN
99540	 NGANG TRÊN
F5200	 ỐP GIỮA 2 CÁNH MỠ
F5210	 NẾP CÁNH 15MM
F5220	 KHUNG CÁNH
F5230	 KHUNG CÁNH
F6050	 KHUNG BAO NGANG TRÊN
F6060	 KHUNG BAO ĐỨNG
F6070	 KHUNG BAO NGANG DƯỚI
F6080	 KHUNG LIÊN KẾT NGANG TRÊN

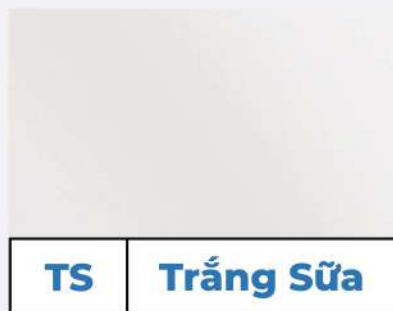
MÃ SỐ	MẶT CẮT & TÊN GỌI
F6090	 KHUNG LIÊN KẾT NGANG DƯỚI
P1200	 PHI 12
P1400	 PHI 14
P1600	 PHI 16
P1600	 PHI 16
P1900	 PHI 19
P2200	 PHI 22
P2500	 PHI 25
P2500	 PHI 25
P3200	 PHI 32
P8000	 PHI 8
P8000	 PHI 8
TPIG0	 LÁ HỘP PHẪNG
U1000	 U 10X10
U1200	 U 12X12
U7000	 U 7X12
V1000	 V 10X10

MÃ SỐ	MẶT CẮT & TÊN GỌI
V1200	 V 12X12
V2000	 V 20X20
V2500	 V 25X25
VH052	 KHUNG BAO
VH052T	 KHUNG BAO
VH076	 NẮP KHUNG BAO
VH076T	 ỐP GIỮA 2 CÁNH MỠ

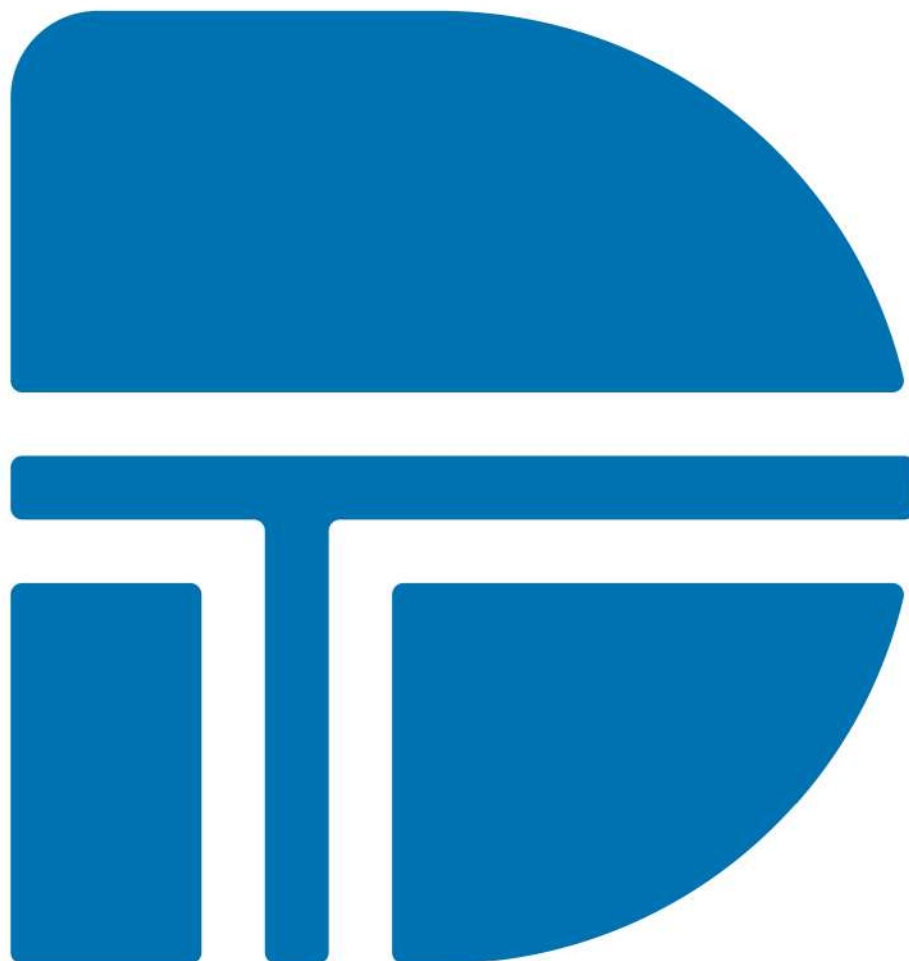
# MÀU NHÔM HỆ DT55



# MÀU NHÔM HỆ THÔNG DỤNG







**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ NHÔM AN LẬP PHÁT**

H19 - H20 - 20A Đường số 3 và số 6, Khu công nghiệp Lê Minh Xuân,  
Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

**HOTLINE:** 1800 6332

**EMAIL:** [contact@anlapphat.com](mailto:contact@anlapphat.com)



THƯƠNG HIỆU VÀ PHÂN PHỐI BỞI CÔNG TY NHÓM **ALP**